

# THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

## QUYỂN 5 (PHẦN CUỐI)

**Luận:** Đối với thật, đức, năng thâm sâu nhãn lạc, dục tâm tịnh là tánh.

Trong luận Tạp Tập lược nêu đồng với đây, căn nghiệp ít khác. Luận Hiển Dương nói cảnh giống nhau, Câu-xá luận nói, ở nơi hữu thể, hữu đức, hữu năng, vả lại thành tựu hữu thể, không nói duy. Nếu không như vậy tín duyên theo pháp quá khứ vị lai v.v... đâu phải hữu thể ư? Nhân quả tự tánh chính đồng với luận này. Luận kia ghi: “Nhãn khả, thanh tịnh, hy vọng là thể”. Luận Hiển Dương lược bớt quả, Ngũ Uẩn đồng với đây, nhưng nói nhân quả đầy đủ. Luận kia ghi: “Cực chánh phù thuận tâm tịnh là tánh”. Nói phù thuận thông với hai thứ nhãn, dục, nên luận này ghi: “Nếu ấn thuận tức là thắng giải, nếu lạc thuận tức là dục”.

Hỏi: Nhân quả này làm câu của trước sau?

Đáp: Hoặc câu thời, hoặc nhân trước quả sau, cũng không nhất định, cảnh cũng đồng với đây. Luận kia ghi: “Nghĩa là ở đối với nghiệp quả các đế, bảo trung, nghiệp quả tức là đế, chung là thật sự, thật lý của luận này. Trong nghiệp, luận Tạp Tập chỉ nói lạc, dục, sở y là nghiệp, không nói trị nghiệp. Luận Hiển Dương năm nghiệp, ban đầu một trị nghiệp, bốn thứ còn lại tức là lạc này thiện là nghiệp. Trong phần mở rộng, luận Ngũ Uẩn, Hiển Dương đều không có, luận Tạp Tập nêu rộng thể, luận này đầy đủ rộng, tùy ý người soạn đều không trái nhau.

**Sớ ghi:** Chẳng phải tầm tâm, tín là vô tâm, chẳng phải tín tín tầm là bất tín, hiển bày thể đều khác, chẳng phải do tín khiến cho tâm tịnh, tầm là bất tín, chẳng phải do tầm khiến cho tâm thiện, tín là không tầm, các thứ khác rộng lược tánh, nghiệp, đồng khác chỉ giải thích mà biết. Nhưng trong Tây Minh giải thích, nói tự, pháp, lực đồng như Tạp Tâm

luận:

1. Tự cảnh thượng, nghĩa là người ở phẩm thượng, thẹn với thân mình, không làm các việc ác.

2. Pháp tăng thượng, nghĩa là người ở phẩm trung là ủng hộ Thánh giáo, không tạo các việc ác.

3. Thế gian tăng thượng, nghĩa là người ở phẩm hạ giữ gìn danh lợi của đời, không tạo các việc ác.

Nay cho rằng không đúng. Luận Hiển Dương, Ngũ Uẩn và trong luận này chỉ nói rằng hai thứ tự và pháp, không nói thế gian. Nếu nói rằng hạ phẩm thuộc về quý không ở nơi tầm, đây cũng không như vậy, đâu phải người ở thượng phẩm trung phẩm khởi tầm, không có quý ư? Nên không được đồng Tạp Tâm giải thích.

Mười một pháp thiện đã có tướng riêng, luận mỗi mỗi tự nói, như tín lấy tịnh làm tướng, tầm v.v... tuy thiện chẳng phải lấy tịnh làm tướng, tầm lấy sùng kính trân trọng, quý lấy khinh miệt chống đối v.v... Nhưng Yếu Tập ghi: “Ba thứ thật, đức, năng là tướng riêng của tín, hoặc có thể là cảnh, vì tướng quyết định là tướng khác của tín. Nay cho rằng không đúng, ba thứ thật, đức, năng nhất định là cảnh của tín, không cần nhọc công giải thích.

**Luận nói:** Đối với thật, đức, năng, tâm thanh tịnh là thể, nếu thật, đức, năng là tướng riêng của tín, đâu phải ở nơi tướng khác tự sinh ra tướng ư? Nếu lấy quyết định làm tướng khác của tín, thắng giải khác gì? Nếu nói: Đây nói đã nhận lấy cảnh tướng trái, nói có thể nhận lấy tự tướng, vì sao nói rằng, hoặc có thể ba thứ này là thể của tín cảnh, chẳng phải tướng khác của tín?

Lại nói: Có thể tầm có thể tín làm hai sở duyên, chuẩn theo sau nên nói: Tín lẽ ra có thể tín, thọ lẽ ra có thể thọ, tầm tức là có thể tôn sùng, quý vì có thể chống cự, đây làm tướng riêng, còn lại chuẩn theo nên biết, đây cũng vặn hỏi mà biết. Ba thứ thật, đức, năng tức là sở duyên của tín, thuận nghịch đều chẳng phải là thọ đã lãnh nạp. Các pháp tầm, quý v.v... vẫn sau đã nói tùy theo duyên vào cảnh nào, lẽ đâu đối với khổ, tập tông sùng, diệt, đạo có thể chống cự ư? Nếu nói: Luận nói đều có nghĩa của tông trọng và khinh rẻ chống cự, vì sao trước nói: Có thể tầm, có thể quý là hai sở duyên, đâu phải không duyên theo thể của diệt v.v... ư? Nay giải thích, tự tánh đều khác cảnh hoặc rộng hẹp, như hai thứ tầm quý và vô tham sân, đều nói rằng tùy theo duyên vào cảnh nào, còn lại có thể khác, tức là quyết định sở lạc v.v... Nhưng trong tâm sở, các luận trên dưới có nói tướng riêng của cảnh sở duyên

tức là có thể định biết, nếu không nói tức là chưa thấy văn, không thể đoán định.

Hỏi: Lấy hai thứ hổ, thẹn làm thể của tầm quý, nghĩa của một thể phân chia thì thành giả, hai chấp bản sau đều đồng tuệ, dụng của một thể phân chia nên không thật, ban đầu ý của hai Tĩnh lực gọi là hỷ lực, là hỷ cũng như vậy chăng?

Đáp: Đồng nương theo một tuệ, không phải lập riêng, căn cứ theo nghĩa dụng riêng nên là thật, tầm quý đồng thể tức là lập riêng, như vong niệm v.v... nên sẽ là giả.

Hỏi: Nếu thừa nhận tầm quý nhất định đều khởi, vì sao quyển 53 ghi: Nếu có tầm chính hiện tiền, nhất định cũng có quý, chẳng có quý nhất định có tầm, cho nên tầm pháp rất là mạnh mẽ thù thắng ư?

Đáp: Luận kia căn cứ theo nghĩa khác, người thọ giới là theo ủng hộ tâm người khác, trông mong họ khởi quý, trông mong mình khởi tầm, vì ở nơi chỗ mình lúc xấu hổ, ắt sẽ nhìn lại người khác mà sinh ra quý, vì nhìn lại mình tăng thêm ắt sẽ xấu hổ với người. Nếu ở chỗ người khác lúc xấu hổ chưa nhất định sinh ra tầm, vì nhìn lại mình yếu kém, hoặc tùy theo tăng mà nói, các lỗi lầm chuẩn theo đây.

Hỏi: Tín nói khiến cho họ thanh tịnh, xả cũng khiến cho họ yên tĩnh, tầm v.v... này có thể khiến cho họ tông sùng, khiến cho họ chống cự ư?

Đáp: Luận đã không có văn, nếu lại không thể cũng đâu có lỗi gì, vì các tâm sở công dụng khác nhau. Vả lại như tác ý khéo cảnh giác người khác, chẳng phải khiến cho sở cảnh giác cũng có thể cảnh giác. Nếu khiến cho họ cũng tông sùng, chống cự v.v... cũng có lỗi gì, vì tâm, tâm sở dụng có rộng hẹp, pháp tánh như vậy, nhưng chẳng phải ắt sẽ đều ví dụ.

Hỏi: Căn bản sáu hoặc và hai mươi tùy. Chỉ ngược mười một làm thiện mười một, mười lăm thứ khác vì sao không ngược?

Đáp: Tây Minh giải thích rằng: Sở dĩ không ngược vì: một là không phải định thuộc về một thiện; hai là hoặc thuộc về thuần tịnh thiện; hoặc nhập vào tạp loại thiện, nay cho rằng không đúng. Vả lại phần hận v.v... định thuộc về vô sân, nhập thuần tịnh thiện, chẳng phải ở tạp loại, nên như luận. Một là tướng dụng có khác nhau, hai là biến khắp sáu thức, ba là chướng ngại thắng nhân, vì phẩm v.v... kia không khác tướng dụng, không biến khắp sáu thức chẳng phải chướng ngại thắng nhân, không riêng ngược lập làm thiện giáo, như bất phóng dật đối trị phóng dật, do bất phóng dật thành tựu đầy đủ tất cả thiện của thế

xuất thế gian, ngăn ngừa ác tu thiện, vì thù thắng này sai biệt lập ra nó, còn lại không lập ra nên chuẩn theo đây mà biết.

**Luận:** Chẳng phải kiến sở đoạn, Sở nói nó không nói thiện pháp đoạn duyên trói buộc, gọi là kiến đoạn, tuy Vô tướng định đã chiêu lấy Dị thực nhập vào bậc Thánh gọi là đoạn, định chẳng phải kiến đoạn, nếu không phải như vậy, Tu đạo phiền não phát ra nghiệp, cũng chiêu lấy đường ác riêng quả báo khổ, quả tuy Kiến đạo, Tu đạo phiền não đâu phải Kiến đạo ư? Tức là có thể trói buộc hiện tại, chỉ căn cứ theo Kiến đạo, không sinh gọi là đoạn, chẳng phải theo đoạn trói buộc, không chướng ngại kiến, vì đây chứng biết thiện chẳng phải kiến đoạn.

Hỏi: Đây dẫn văn của hai mươi hai căn, ba đoạn trong quyển 57, nếu không duyên theo trói buộc gọi là kiến đoạn, bảy thứ sắc, mạng căn vì sao gọi là kiến đoạn? Đoạn có bao nhiêu thứ?

Đáp: Đoạn có bốn thứ: một là tự tánh đoạn; hai tương ứng đoạn; ba duyên trói buộc đoạn; bốn bất sinh đoạn. Nói tự tánh đoạn nghĩa là vốn là tùy theo hoặc, tánh là nhiễm, và bất thiện nghiệp, nghiệp tức là tư, như tự năm kiến, chẳng phải tương ứng đoạn. Tương ứng đoạn là tám thức của Hữu lậu, năm biến hành hoàn toàn biệt cảnh bất định cả hai đều thiếu phần, tự tánh chẳng phải nhiễm, do cùng hoặc cấu, lúc đoạn tương ứng tâm v.v... giải thoát, nên quyển 54 ghi: “Lại nữa tự tánh của các thức chẳng phải nhiễm”. Kinh Niết-bàn cũng ghi: “Đoạn tương ứng tham v.v... gọi là tâm giải thoát”. Lại quyển 59 ghi: “Theo tương ứng kia và sở duyên nên phiền não có thể đoạn”, nhưng sở duyên đoạn hoặc không sinh đoạn nhiếp, không phải là cảnh trói buộc, gọi là sở duyên đoạn, nên kia ghi: “Tương ứng đoạn rồi, không phải lại duyên theo cảnh, nên theo sở duyên cũng gọi tên đoạn”. Duyên trói buộc đoạn là tất cả Hữu lậu pháp không nhiễm ô. Bất sinh đoạn là nẻo ác Dị thực, Vô tướng định v.v... trong quyển 8 lại sẽ phân biệt.

Hỏi: Trước nói đoạn là nương theo đoạn nào mà nói?

Đáp: Nương theo bất sinh vô duyên trói buộc đoạn. Mười bốn thứ, một phần kiến sở đoạn, căn cứ theo bất sinh mà nói, hoặc thông với tương ứng đoạn cùng với kiến hoặc đồng thời nên nói kiến đoạn, nhưng không hết lý, có chẳng phải đoạn. Một phần tu đoạn căn cứ theo duyên trói buộc mà nói, mười hai thứ một phần tu sở đoạn, một hướng theo duyên trói buộc đoạn, văn quyển 87 lại nói bốn đoạn ít đồng với đây, nên nói một phần tu đoạn, vì năm thứ tín v.v... Vị tri, Đương tri thông với lậu Vô lậu. Vô lậu tức là chẳng phải sở đoạn, ưu khổ hai thọ tánh chẳng phải Vô lậu, vì dẫn Vô lậu và Vô lậu dẫn nói là phi đoạn, thật

chẳng phải Vô lậu.

Hỏi: Nếu như vậy ý hỷ lạc xả cũng thông với Vô lậu, vì sao chỉ nói đoạn? Vô tướng định v.v... chuẩn theo Thức thứ tám nói cũng thông với kiến đoạn, ở đây vì sao không nói?

Đáp: Đây sau hỏi trong Sở giải thích xong, giải thích vặn hỏi trước, ý, hỷ, lạc, xả Vô lậu là thật thông với phi đoạn, vì ý và xả tám thức đồng nơi, chẳng phải đều Vô lậu. Vả lại căn cứ nói hoàn toàn.

Hỏi: Thân của Nhị thừa Vô lậu chẳng phải hoàn toàn, ở thân Phật, bảy sắc căn trừ nữ, năm thọ trừ ưu khổ, ba Vô lậu trừ hai, đều thông với Vô lậu, vì sao chẳng hoàn toàn không nói phi đoạn?

Đáp: Căn cứ theo Tam thừa đồng, nếu căn cứ theo Nhị thừa được thông với phi đoạn.

Hỏi: Các pháp Hữu lậu chẳng phải tánh nhiễm, thân của Nhị thừa, không phải năng duyên hoặc, nói làm tu đoạn, nhưng pháp còn tồn tại, nếu trong thân Phật đều diệt, không có là đoạn nhiếp gì?

Đáp: Không sinh đoạn nhiếp.

Hỏi: Vì sao biết?

Đáp: Trong Tập luận nói bậc Vô học sau uẩn không phải chủng tử đã sinh, chuẩn theo đây nhân không quả không phải sinh.

Hỏi: Như tám nạn, thân v.v... đã khởi lòng tin v.v... nhập vào Kiến đạo rồi thân kia không thọ, tín v.v... khởi chẳng? Nếu không khởi thì thuộc về đoạn nào? Nếu thừa nhận khởi, không phải thân của sở y, vì sao được khởi?

Đáp: Có hai giải thích: một là không khởi không sinh đoạn nhiếp, vì sở y vô. Hai là được khởi nương theo thân hiện tại, nhưng sẽ phân biệt. Sinh đặc là không sinh không tạp loạn. Phương tiện là khởi thừa nhận tạp loạn, giới trói buộc định, thân bất định. Hoặc dụng chứa sinh đặc, giới tuy không phải tạp thú thừa nhận tạp như trong loài người tạo tác, nghiệp sinh lên cõi trời v.v..., thông với sinh đặc, quyển 3 trước ghi: “Không tán loạn là căn cứ theo giới địa mà nói”.

Hỏi: Vì sao liệt kê trong phiên nào, luận Du-già Thức quyển 8, quyển 58 đều nêu năm kiến ở trước; kế liệt kê tham, mạn vô minh, nghi.

Đáp: Lợi thuận trước sau, luận này, luận Hiển Dương và luận Tập Tập v.v... vì chính ngược với thiện, trước nói rõ tham v.v...

Hỏi: Vì sao luận này sau nghi nói mạn, còn lại mạn sau si?

Đáp: Câu sinh phân biệt lợi thuận trước sau. Năm uẩn v.v... Câu sinh phân biệt, nghi ở sau kiến, luận này v.v... căn cứ theo lợi thuận

khác nhau, nghi ở trước kiến.

**Luận:** Đối với hữu có đủ. Sở ghi: “Đại thừa thừa nhận tham duyên theo diệt đạo”, quyển 58 v.v... không nói. Văn sau tự tùy theo tướng thô mà nói, đây thừa nhận được duyên. Nói tham cùng với kiến, mạn, dung chứa đều khởi. Ý này kiến mạn kiến mạn tức là chấp vào Phật tánh, lấy nó làm ngã, đều dung chứa tham đồng thời.

Yếu Tập xác quyết rằng: Tà kiến phát ra vô, không phải cùng với tham đồng thời, nếu phát ra hảo sự, tà kiến, sân đồng thời, ý này phát ra diệt, đạo là hảo sự, chẳng phải đạo chấp đạo, bất tử, kiêu loạn đều duyên theo pháp khác, chẳng phải diệt đế, Đạo đế. Nếu định pháp ái chẳng phải tà kiến đồng thời, thân kiến câu tham chỉ duyên theo khổ đế, vì sao kiến câu tham được duyên theo diệt, đạo? Nên chẳng phải hữu câu. Đây giải thích không như vậy, chuẩn theo trên nên biết. Lại hoàn toàn giới phiền não đều có thể kết hợp sinh, tức là thừa nhận phiền não có thân cận duyên, vì sao chẳng phải hữu câu?

Mạn có chín. Sở ghi: Quá mạn, mạn, ty mạn như lần lượt khởi ban đầu ba loại; nghĩa là đồng chấp mình thắng khởi ngã thắng mạn loại, đối với thắng chấp mình v.v... tuy cũng là quá mạn. Nay nói ngã thắng trừ kia. Đối với đồng chấp đồng khởi ngã v.v... các loại, không nói nơi yếu kém chấp trội hơn. Nói ngã v.v... nương theo ty mạn khởi có ngã liệt mạn loại, ty mạn, mạn, quá mạn như lần lượt khởi trong ba loại. Đây nương theo ty mạn khởi hữu thắng ngã mạn loại, đối với đồng chấp đồng khởi hữu v.v... các loại, đối với đồng chấp thù thắng khởi hữu liệt ngã loại mạn, quá mạn, ty mạn như lần lượt khởi ba thứ sau, đối với đồng chấp đồng khởi vô thắng loại, đối với đồng chấp thù thắng khởi vô v.v... các loại, nương tựa ty mạn khởi vô liệt mạn loại. Như luận Câu-xá quyển 19, luận Bà-sa quyển 199 giải thích.

Hỏi: Vả lại ngã thắng mạn, vì sao chỉ nương vào đồng chấp trội hơn không nói ở nơi trội hơn chấp v.v...

Đáp: Nay đã nói ngã thắng, nói chẳng phải ở nơi thắng chấp theo mình v.v... còn lại chuẩn theo nên biết.

Hỏi: Vì sao không ở nơi mạn quá mạn khởi?

Đáp: Căn cứ theo nhiều phần mà nói, không phải nhiều ở thắng chấp mình là thắng, đây nương theo luận Phát Trí mà nói, nương theo Phẩm Loại Túc luận cũng đối với nó khởi, nên luận Bà-sa quyển 199 ghi: “Đây nương theo bản luận đã giải thích như vậy, nương theo Phẩm Loại Túc luận trong ngã thắng mạn loại nhiếp theo ba loại. Nếu yếu kém nghĩa là mình thắng, tức là mạn, đối với đồng nghĩa là mình thắng

tức là quá mạn, đối với thắng nghĩa là mình thắng là mạn quá mạn, tám mạn còn lại như lý nên biết. Căn cứ theo đây luận Phát Trí nương theo nhiều phần mà nói. Phẩm Loại Túc luận nương theo lý tận cùng mà nói nhưng chín loại này ba loại ở nơi quá mạn khởi; nghĩa là ngã thắng, hữu liệt, vô đẳng ba thứ ở nơi mạn sinh ra nghĩa là ngã đẳng, hữu đẳng, vô thắng, đều ở trung phẩm xứ sinh ra. Ba thứ còn lại nương theo hạ phẩm xứ khởi vì đối với thù thắng của người khác chấp yếu kém của mình.

Hỏi: Mạn loại về mạn có gì sai biệt?

Đáp: Có hai nghĩa: một là cần nương theo ngã kiến, sau sinh và đều hai loại phần nhiều không hoàn toàn, theo Phẩm Loại Túc tức lại có lỗi, như tự quá mạn đối với thắng, nghĩa là mình đồng chấp mình trội hơn, ngã thắng chỉ đối với đồng chấp mình trội hơn, nên không phải toàn phần. Theo Phẩm Loại Túc, ngã thắng nương theo ba sinh, nghĩa là đối với liệt, đẳng, thắng, đều chấp mình thắng, nên tức là lỗi.

Hỏi: Ba thứ ngã, liệt, loại nương theo ty mạn khởi, tức là hoàn toàn chẳng phải phần và bảy thứ khác gì?

Đáp: Có một nghĩa ban đầu.

Hỏi: Vì sao ngã kiến đều sau khởi làm mạn, đâu không thừa nhận bảy mạn nương theo ngã kiến đều sau sinh?

Đáp: Không chướng ngại bảy mạn, sau đồng thời ngã kiến mới sinh, chỉ hành tướng riêng ngay thẳng, chấp ngã sau khởi làm mạn, chấp ngã thắng v.v... sau khởi mạn, tức là mạn. Hoặc không nương theo ngã mạn, cũng được sinh, loại ấy sẽ nương theo ngã, lại do phần và lỗi là bảy loại kia, lẽ ra nói: Ngã kiến sau khởi là mạn, ngã sở sau khởi là loại, chấp ngã có liệt thắng, liệt thắng thuộc về ngã đẳng, tuy chẳng phải tức là ngã sở, hành tướng tự như nó.

Tây Minh nói: Chín loại, ba loại nương theo ba phẩm sinh ra, ba loại nương theo thượng phẩm sinh ra, ba loại nương theo trung thượng phẩm sinh ra, trong ngã thắng loại nhiếp theo ba loại mạn, nghĩa là đối với yếu kém chấp là thù thắng, đối với đồng cho rằng mình trội hơn, đối với thắng cho rằng mình trội hơn, như lần lượt mạn, quá mạn, mạn quá mạn tám mạn loại còn lại, lẽ ra như lý suy nghĩ. Ngã v.v... mạn loại nương theo trung thượng phẩm, sinh nhiếp theo hai mạn, ngã liệt chỉ nương theo thượng phẩm, sinh nhiếp theo một mạn, hữu thắng mạn loại đồng với ngã liệt này, vô liệt cũng đồng, hữu đẳng loại đồng với ngã đẳng, hữu liệt, vô thắng, vô đẳng loại đây ba loại cũng đồng với ngã thắng. Nay cho rằng tự như sai lầm. Xu Yếu ghi: “Ba loại nương theo ba phẩm sinh ra”, lại nói: “Hữu liệt, vô thắng, vô đẳng cũng đồng với ngã

thắng”, tức là bốn loại nương theo ba phẩm sinh ra, vì sao được nói là ba loại? Chuẩn theo nên vô thắng đồng với ngã đẳng kia trong thượng phẩm sinh ra. Lại nữa ngã liệt đẳng ba mạn loại nương theo hạ phẩm sinh ra, vì sao được nương theo thượng phẩm? Vì chấp mình yếu kém, tự mạn có thể thành tựu. Có cao xứ, vô liệt ngã mạn cao xứ là gì? Nghĩa là đối với như vậy tự mình đã thọ lạc, trội hơn hữu tình nhóm họp và ngoài nhìn thân mình, tuy biết rất yếu kém mà tự tôn trọng, tức là nói: Tuy biết rất yếu kém mà tự tôn trọng, rõ ràng chẳng phải thượng phẩm.

**Luận:** Do dự là tánh. Sở ghi: Tức là duyên theo lý sự đều là nghi.

Tây Minh nói: Nương theo đế môn, giải thích gọi là đời khác v.v... mà không có việc nghi nói làm nhiễm ô, như nghi khúc gỗ là người, đều là việc trong nghi, không ẩn mất Vô ký, Di thực sinh nhiếp. Yếu Tập xác quyết rằng: Có giải thích là thắng, luận này đoạn sau ghi: “Ba kiến và nghi, độc đầu vô minh gần gũi mê đế”, quyển 58 đồng. Nếu có việc nghi, đồng với kiến thủ v.v... duyên theo kiến khác v.v... mà luận không nói, nay cho rằng không đúng. Quyển 58 ghi: “Nghĩa là đối với đời khác tác dụng nhân quả v.v...”. Lại quyển 4 trước ghi: “Vả lại nghi đời khác là Hữu vi vô, đối với nó có tướng dục, thắng giải gì?” Nương theo nghi đời khác v.v... là sự chẳng phải lý. Nói mê muội lý sự. Sở không nói nghi khúc gỗ là người, cũng là phiền não nghi, nếu dùng đế nhiếp, pháp nào chẳng phải đế? Sân còn lại ái v.v... mê muội sự khác sinh ra, lẽ ra là lý, sân, ái, sở duyên cũng đế nhiếp.

Nghi tuệ là thể, Tây Minh giải thích: Ba nhân thành tựu. Yếu Tập ghi: “Căn cứ theo sư sau phá”, có giải thích thuận văn, nay cho rằng không đúng. Trong Huấn Thích Chứng ghi: “Mạt-đế, Bát-nhã nghĩa không khác chuyển đổi giải thích Mạt-đế, nếu không như vậy có nghi tỳ trợ Mạt-đế, vì sao được là tuệ”, nên chuyển giải thích rằng: Mạt-đế, Bát-nhã nghĩa không khác nếu đem Bát-nhã làm nhân thứ ba có nguyên nhân gì?

Tát-ca-na-kiến các giải thích v.v... Yếu Tập ghi: “Đại thừa di chuyển”, ý đồng với Thế Thân chẳng cho rằng hữu vô bất định hoặc khác với hai tông, gọi là di chuyển lý đã định nên gọi là bất thuận. Nay cho rằng không đúng, không được bản ý. Sở ghi: Nay Đại thừa ý tâm trên đã hiện tỏ như tướng của ngã, thể chẳng phải thật có, là giả pháp lại thể chẳng phải hoàn toàn vô, tánh y tha khởi thành tựu Sở duyên duyên, nói chẳng phải thật có cũng chẳng phải hư ngụy, chỉ là pháp của y tha di chuyển, sở y của ngã, đây đồng Nhiếp luận.



Lại nói: Lại nương theo sở chấp, có thể nói hư ngụy nên gọi là do chuyển. Ý này không nói rằng khác với hai tông, nên gọi là di chuyển, chỉ nói rằng các pháp của duyên sinh di chuyển, không đồng với thật của Hữu bộ, chẳng phải như Kinh bộ giả hòa hợp tướng, không cho hai tông hữu vô bất định gọi là di chuyển.

**Luận:** Kiến chấp này sai biệt hai mươi câu v.v...

Tây Minh nói: Phân biệt hành duyên uẩn, cũng phân biệt sơ khởi xứ mà nói. Tam Tạng có hai giải thích: một là ngã sở làm sở khởi xứ, chấp sắc làm ngã v.v... đều nương theo ngã sở mà chấp ngã. Hai là lấy ngã làm sở khởi xứ, vì nương theo thể của ngã nên có các ngã sở. Sở tự xác quyết rằng: Nay lấy giải thích ban đầu, đây nói rõ ngã, ngã sở kiến chấp hành tướng, không muốn nói rõ ngã ngã sở. Nay cho rằng khó biết, chỉ ngã sở kiến nương theo ngã kiến sinh ra, ngã kiến không nương theo ngã sở kiến khởi, lại lúc chấp vào sắc v.v... là ngã, không chấp là sở, đâu thể nói đều nương theo ngã sở, mà chấp ngã.

Hỏi: Hai mươi câu này là một người khởi, hay nhiều người khởi?

Đáp: Căn cứ theo tất cả mà nói, nếu chấp sắc ngã thì chẳng khác còn lại chỉ ngã sở.

Hỏi: Do đâu mỗi mỗi chấp làm ba sở?

Đáp: Luận Tạp Tập quyển 1 ghi: “Tương ứng ngã sở, tùy chuyển ngã sở, chẳng lìa ngã sở”. Tương ứng sở nghĩa là ngã có sắc cho đến có thức do ngã và nó tương ứng nên nói có, đây do ngã đều nói làm tương ứng. Tùy chuyển nghĩa là nếu nó do sức đây tự tại chuyển, hoặc xả hoặc dịch, đều do thuộc về ngã, tùy theo ngã chuyển. Chẳng lìa ngã sở nghĩa là ngã ở bên trong biến khắp thể tùy hành, đều do ngã ở bên trong không lìa nó, còn lại đều chuẩn theo mà biết.

Sáu mươi hai kiến, luận Du-già quyển 6, luận Hiển Dương quyển 9 trong phá thường luận, nói rõ bốn biến thường bốn phần. Phần một và hai, có tướng không tướng chỉ chẳng phải trong ngã có sắc tướng v.v... có khổ thọ v.v... hữu biên hai giải thích. Luận Du-già quyển 7, luận Hiển Dương quyển 10 nói rõ năm hiện Niết-bàn, biên vô biên, kiêu loạn, hai vô nhân, bảy đoạn. Luận Du-già quyển 5 có phần khuể vong niệm, không nói phần thường. Trong quyển 58 có tên biến thường v.v... mà không phải giải thích riêng, nhưng có các hoặc mê Đế xa gần, quyển 87 nêu đủ. Luận Bà-sa quyển 199, ban đầu nói rõ năm hiện Niết-bàn, kế bốn Kiến phần thường, hai vô nhân, hữu biên v.v... vô tử bốn. Quyển thứ 200 có tướng v.v... mười sáu, vô tướng đều trái, tám thứ đều bảy đoạn diệt.

Hỏi: Sáu mươi hai kiến do nhân gì khởi?

Đáp: Như chương này nói có hai nhân khởi, một Phật thuyết sở nhân, hai kiến khởi sở nhân.

Lại luận Du-già quyển 87 ghi: “Các ác kiến thú do sáu nhân duyên mà được kiến lập”. Một là do nhân duyên; hai là do nương theo giáo; ba là nương theo thiền định; bốn là nương theo thế gian; năm là nương theo các kiến; sáu là do sinh ra xứ. Nhân duyên tức là Tát-ca-da-kiến, giáo tức là ngoại đạo, thầy trò trao cho nhau. Tĩnh lự tức là túc trụ, thiên nhãn. Thế tức là nương theo quá khứ và hiện tại, vị lai chấp đời trước đời sau. Kiến tức là ngã kiến, sinh tức là sinh xứ, một thân cận nương theo Tát-ca-da-kiến khởi biên kiến, lấy chấp ngã làm đoạn thường là biên kiến, gần ý khởi tà kiến, vì ngã kiến không cần chấp ngã mới khởi tà kiến. Ban đầu sức của nhân nương theo sức của giáo duyên là thông với nhân, nương theo Tĩnh lự sau là biệt khởi nhân, nương theo Tĩnh lự khởi bốn biên thường kiến bốn phần thường kiến, bốn hữu biên v.v... hai vô nhân kiến, bốn bất tử luận. Luận đều nói nương theo Tĩnh lự khởi. Nương theo thế nhân lại chẳng phải khởi riêng. Căn cứ theo phần tiền hậu tế, nương theo kiến sinh ra hai mươi bốn nghĩa là ngã có sắc v.v... bốn hữu biên v.v... bốn sinh có tướng vô tướng đều trái, nương theo sinh khởi có tám nghĩa là trong bốn tướng có một tướng v.v... trong bốn ngã có lạc v.v... Trong văn không nói bảy đoạn, năm hiện, nghĩa chuẩn theo bảy đoạn nương theo thế và kiến. Năm hiện, thứ nhất nương theo tà kiến khởi, các hiện còn lại nương theo Tĩnh lự mà sinh, được hiện pháp lạc sau mới khởi kiến này, nhưng trong vô nhân chỉ nói nương theo định, không nói nương theo tâm tử mà khởi, nghĩa chuẩn cũng nương theo thế và tà kiến.

Hỏi: Các kiến này khởi, là đầy đủ sáu nhân duyên mới khởi hay không đầy đủ?

Đáp: Đồng nói rõ kiến khởi, không có lỗi sáu nhân, chẳng phải mỗi mỗi kiến đều đều sáu nhân này, như nương theo tâm tư bất tử kiêu loạn, chưa hẳn nương theo định sau mới khởi.

Hỏi: Sáu mươi hai kiến hết chăng?

Đáp: Không hết, như mười bốn loại không thể ghi nhớ, cũng có đoạn thường là Câu sinh v.v... đều không nhiếp.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao chỉ có sáu mươi hai kiến?

Đáp: Tùy theo tăng mà nói, như bất tương ưng và tùy hoặc v.v... thật chẳng phải nhiếp hết.

Hỏi: Căn cứ theo luận Bà-sa quyển 199, bốn hữu biên v.v... chấp

ngã thế gian đều là hữu biên, vì sao chẳng phải biên kiến?

Đáp: Không chấp đoạn thường nên chẳng phải biên kiến.

Hỏi: Vì sao chẳng phải ngã kiến?

Đáp: Nương theo chấp của tông khác, hữu biên thường kiến, vô biên đoạn kiến nếu đều đồng thời là một phần đoạn kiến, chẳng phải hữu biên vô biên, chỉ là Tát-ca-da-kiến, nương theo Đại thừa mà nói, nương theo ngã kiến sau chấp hữu biên v.v..., hữu biên v.v... kiến không phải là ngã kiến, hoặc có thể. Đại thừa và luận kia có khác với luận Du-già, luận Hiển Dương đều không nói ngã chỉ chấp vào thế giới, nên thuộc về tà kiến. Luận Bà-sa trong ba thuyết, thuyết thứ nhất, thứ hai thiên nhãn thông, thứ ba bao gồm thần cảnh, thứ tư ngăn ngại trước, trong thuyết thứ hai căn cứ theo tự thế gian kia ban bố khắp trên dưới, lại không phải riêng ba ngàn thế giới, chỉ nương theo thiên nhãn kia nói kiến lập ra hữu biên, kiến bên không biên. Trong thuyết thứ ba chỉ căn cứ theo ngã thế hữu biên vô biên, do có chấp ngã rộng hẹp bất định, nên biết tông khác nhau, không cần hòa hội.

Hỏi: Bốn biên thường kiến vì sao trói buộc địa giới? Vì sao địa giới khởi?

Đáp: Có hai giải thích: một là Sắc giới thông với bốn Tĩnh lự. Luận Du-già quyển 6 nói nương theo thượng, hạ, trung Tĩnh lự khởi tức trụ tùy niệm hoặc nương theo thiên nhãn chấp đời hiện tại, chuẩn theo đây tuy không phải ở định, được định sau khởi ở địa trên. Hai là tuy định sau khởi, là phân biệt Kiến thế đạo không hàng phục, khởi sau không có lỗi, nhưng chẳng phải chưa được định, nhưng khởi là thông với cõi Dục cõi Sắc. Lại giải thích chỉ cõi Dục, luận nói nghĩa là như có một, nếu Sa-môn nếu Bà-la-môn khởi thấy biết như vậy, lập ra luận như vậy, Sa-môn, Bà-la-môn chỉ là người trong cõi Dục. Lại luận Du-già quyển 7 nói rõ trong bốn hữu biên, Sa-môn, Bà-la-môn, nương theo Tĩnh lự khởi kiến như vậy, cho đến nói rằng nên biết trong đây, vì nói nhân duyên và năng kế, không được thông với cõi trên, nhưng trước nói trội hơn, nói khởi kia là căn cứ theo nhiều phần mà nói.

Trong bốn phần thường, thứ nhất và thứ hai hệ địa và năng khởi, như biến thường nói; phần khuể vong niệm kiến đã khởi có thể thông với cõi trên dưới. Năng khởi chỉ cõi Dục, vì sinh ra trong cõi người khởi tức trụ, sau khởi kiến này. Lại biến phần thường một chỉ khởi một, nương theo thượng trung hạ, tức trụ khác nhau, nhờ vào thiên nhãn sau.

Trong hữu tướng mười sáu, hữu tướng và thọ hoặc một người khởi, vì sao biết? Chuẩn theo luận phá rằng: Ngã của sở chấp do tướng sở tác

và thọ sở tác là có biến đổi là không biến đổi, cho đến nói nếu nói vô là có một tướng mà thôi, hậu chủng chủng tướng, tiểu vô lượng tướng, không hợp với đạo lý, lại thuần có lạc mà thôi. Sau thuần có khổ v.v... không hợp với đạo lý. Chuẩn theo chỗ phá này, nếu một chỉ khởi một, phá thành ra tương phù, không thừa nhận lại có tướng thọ khác. Trong biên kiến, hữu biên có bốn câu. Một chỉ khởi một, vì sao biết? Luận ghi: “Vì đối trị đây tức là do câu khác văn khác mà khởi chấp”, kia chấp ngã chẳng phải sắc chẳng phải phi sắc. Trong giải thích thứ hai cũng ghi: “Vì đối trị đây chỉ do văn khác không do nghĩa khác mà khởi chấp”, kia chấp chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên, hệ địa và khởi tùy theo chỗ chấp pháp hữu vô mà nói hoặc năng khởi chỉ ở cõi Dục.

Hỏi: Trong tà kiến hữu biên v.v... bốn thứ trói buộc cõi nào? Có thể khởi như thế nào?

Đáp: Như bốn biên thường giải thích.

Bất tử kiêu loạn thông với cõi Sắc, cõi Dục, trói buộc thông với hai địa khởi. Bà-la-môn đối với Thích tử hành siểm loạn, hoặc trói buộc năng khởi chỉ là cõi Dục. Bà-la-môn đối với Thích tử chỉ là hành siểm không phải là tà kiến.

Hai vô nhân luận đồng chấp cõi Sắc cõi Dục, hai cõi có thể khởi vì sao? Nương theo Tĩnh lực và nương theo tâm tứ, đều được khởi nhưng nương theo tâm tứ khởi chỉ ở cõi Dục.

Hỏi: Bảy đoạn diệt cõi nào trói buộc, địa nào khởi?

Đáp: Tùy theo chấp bảy đoạn, tức là địa kia trói buộc khởi dưới không thấy trên.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao phá các Luận sư ngoại đạo lại nói rằng do giáo lý khởi, như là kiến ư?

Đáp: Căn cứ theo năng kế phá các ngoại đạo nếu kiến của sở khởi và kiến của năng khởi tức là tùy theo địa kia. Lại giải thích kiến và khởi, chỉ ở cõi Dục, do các ngoại đạo nương theo giáo và lý khởi, như là kiến, căn cứ theo phá đây, đây đáp trong chương thứ nhất hỏi. Lại giải thích sáu mươi hai kiến đều cõi Dục khởi trói buộc tùy theo chỗ hợp. Các luận Đại Tiểu đều nói ở đây, nếu như vậy biên kiến trong hai cõi trên đều không khởi ư?

Đáp: Rộng chấp đoạn thường, hai cõi trên khởi, chẳng phải sáu mươi hai kiến.

Hỏi: Vì sao biến thường nhớ nghĩ về hai mươi, bốn mươi, tám mươi kiếp không tăng giảm?

Đáp: Vì nương theo sức của thế Tĩnh lực ba phẩm sai biệt pháp, vì

sao không chấp sinh?

Hỏi: Hoặc tức là nhiếp diệt, thành tức là nhiếp sinh, nhưng ngoại đạo chỉ chấp là ẩn hiện, vì sao không phải tiện trí?

Đáp: Tông nói riêng.

Hỏi: Trong một phần thường, vì sao không chấp sắc hai định trở lên chết sinh ra đây?

Đáp: Trên không có tầm tứ, không phải vua thần, không phải siểm cưỡng, do cưỡng nên nói ngã là hay sinh ra các người, do siểm nên chấp vua là cha thường hay sinh ra.

Hỏi: Cõi Dục vì sao không chấp địa cư và ở một phần của tiên thú thường?

Đáp: Địa cư cảnh hai cõi này chẳng phải thù thắng. Cõi tiên không phải riêng hưởng đến cảnh cũng chẳng phải thù thắng. Căn cứ theo đâu mà được biết phần khuể vong niệm ở nơi Không cư thiên? Đáp: Số đã dẫn văn, lại luận Xuất Diệu trong phẩm Niệm ghi: “Xưa Đức Phật còn tại thế có Không giới thiên tên là Hoan Lạc Quá, do quá vui thích, từ đó chết đi nên đến sinh cõi này, từ Hỷ phệ thiên”, văn cũng đồng với đây, đã nói Không giới thiên, rõ ràng chẳng phải Địa cư.

Hỏi: Vì sao biến phần gồm cả thường kiến, lập lấy tên của thường kiến, hữu tướng v.v... luận cũng là thường kiến, không nên lên tên của thường kiến, lập ra tên của hữu tướng v.v...

Đáp: Trong biến phần thường sinh xứ không khác, người kia ở ban đầu nên nêu tên gọi thường, hữu tướng v.v... kiến sinh xứ có khác, lại ở sau nên lập ra tên hữu tướng v.v... lại nếu gọi là thường tướng lạm dụng không tiện.

Hỏi: Vì sao không chấp ác đạo của Địa khác làm đoạn diệt ư?

Đáp: Ở trong nẻo ác không phân biệt kiến, hiện tại sinh cõi người không thể chấp nó sau khi chết đoạn diệt, trừ nẻo ác, bên ngoài đều có chấp khác.

Hỏi: Vì sao vô nhân chỉ ở Vô tướng?

Đáp: Ở Vô tướng thiên từ lâu không có tâm, còn lại cõi trời có tâm biết sinh nhân trước, tuy sinh trở xuống cũng không thể nhớ sinh nhân trước kia, do sức thế phần không chấp vô nhân, Vô sắc chết rồi đến tái sinh không có tức trụ thông, không biết từ sự chết kia, không ở nơi sau Vô sắc chấp làm vô nhân, rộng vô nhân chấp cũng thông cõi trời khác, như tầm tứ khởi.

Hỏi: Vì sao Vô sắc căn vốn cận phần và thiên định cận phần, không chấp làm hiện Niết-bàn? Luôn cận phần vui vẻ cầu chưa được

an trụ, Tĩnh lực thứ tư là các lỗi họa, thân tâm đều an ổn, chấp làm Niết-bàn, Vô sắc tâm an ổn, không có thân an ổn, không chấp làm hiện Niết-bàn, Vô sắc căn vốn chấp sau sanh nó cũng làm Niết-bàn, không chấp làm hiện.

Hỏi: Vì sao người Lục dục thiên làm một Niết-bàn, đoạn diệt khai mở ư?

Đáp: Đồng với trụ dục trần lạc nên làm một Niết-bàn, thô tế hướng đến chỉ bảy đoạn riêng khai mở.

Hỏi: Vì sao sắc hợp làm một, Vô sắc làm bốn đoạn diệt?

Đáp: Tướng của sắc dễ biết nên hợp làm một, Vô sắc khó rõ, nên mở ra làm bốn.

Hỏi: Đây đồng các kiến bao nhiêu ở uẩn, ngã kiến sau khởi, bao nhiêu ở nơi lia uẩn ngã sau khởi?

Đáp: Căn cứ theo luận nói: Mạng tức là thân, chấp ngã hữu biên mạng là thân khác, chấp ngã vô biên v.v... chuẩn theo đây hữu tướng tám luận tám vô tướng đều trái, nói hữu sắc hữu biên tức là uẩn, nói Vô sắc vô biên là lia uẩn, câu “đồng thời” là lia, hữu tướng còn lại tám đều là uẩn. Lại giải thích Vô sắc cũng tức là uẩn ngã, chỉ chấp phi sắc tức là thọ tướng v.v... nên cũng là uẩn, hữu biên v.v... là lia uẩn, vì Đại luận quyển 6 ghi: “Chấp ngã tùy thân lượng không định, đều thông với tức, lia. Nói thiếu sắc v.v... và lại căn cứ theo tức uẩn mà nói, lý thật thông với hai thứ, chuẩn theo hữu ngã có sắc tức là chấp sắc làm ngã. Đã nói ngã một tướng v.v... tùy theo tức là chấp kia làm ngã, trong bốn biến thường nêu y-sư-ca, tức là tăng-khư loại, lẽ ra lia uẩn ngã. Bảy đoạn diệt lẽ ra tức là uẩn nga;, thắng, số lia uẩn đều chấp thường, phần thường bất định.

Hỏi: Vì sao không nói kiến, giới và ngã sở kiến đều là tà kiến khác làm sáu mươi hai kiến trong kiến số?

Đáp: Ngã không phải nhiều tranh chấp, chấp thường đoạn v.v... có nhiều tranh chấp, lỗi tăng nhiều khởi, trong tà kiến cũng căn cứ theo lỗi tăng nhiều khởi, nói hai thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, nương theo chấp kia chẳng phải căn bản.

Hỏi: Vì sao chỉ lập ra trước sau hai tế, không lập hiện tại là trong tế kiến ư?

Đáp: Như hiện Niết-bàn là chấp hiện tại vì vị lai trước, quá khứ sau, nên không lập riêng, vì trước giải thích vấn đề, hoặc có văn của luận. Hoặc không văn, đều nói như đây, sau tìm văn lại.

**Luận:** Như vậy trong mười phiên nào chung riêng, vốn nói hoặc

chung hoặc riêng chỉ có mười loại, như tham, sân v.v... đều có chung riêng sai biệt hành tướng, nếu là mê Đế và tự hành tướng, không ngoài chung riêng. Lại Yếu Tập quyết đoán chưa rõ ràng là thắng, nhưng do chưa hết mạn và ba kiến gọi là chung. Sáu thứ còn lại gọi là riêng, đây cũng không như vậy, mười phiền não này đều thông với chung riêng, nên chỉ nói chung.

**Luận:** Học hiện quán v.v... vốn giải thích như Số.

Tây Minh nói: Quyển 88 ghi: “Nhưng lúc đối với tu tập để hiện quán, do ý vui vẻ, e rằng ở nơi Niết-bàn ngã sẽ không có v.v...”, chuẩn theo đây chưa nhập vào Kiến đạo.

Yếu Tập xác quyết rằng: Có giải thích là thắng, nay ý nghi ngờ nói căn cứ theo quyển 88 là chưa nhập vào kiến, văn kia nói do sức tăng thượng tùy miên Tát-ca-da-kiến này. Đối với các hành, khởi tà phân biệt, nghĩa là ngã sẽ đoạn, liền ở nơi Niết-bàn phát ra sinh đoạn kiến, do nhân duyên này ở nơi bát Niết-bàn tâm trở lại, không thích hưởng vào, tức là cũng với luận này dẫn văn không đồng, nghi ngờ dẫn văn này, lại là văn khác. Số vọng không dẫn, nhưng trong Số chỉ có tám mươi tám, nghi và sở v.v..., lại chỉ chứng là đoạn kiến tức là được, không chứng Câu sinh. Văn nói: Khởi tà phân biệt nghĩa là ngã sẽ đoạn, không rõ ràng nói là Câu sinh, hoặc văn này đều chẳng phải nhất định phạm thánh, nếu không như vậy vì sao văn không phải tương tự? Nhưng chuẩn theo dẫn của luận, Số giải thích chính, vì sao? Ý chứng câu sau thông với đoạn kiến, dẫn dắt Kiến đạo sau khởi, có thể chứng thành thật, nếu Kiến đạo trước, sao biết là Câu sinh đoạn kiến?

**Luận:** Nghĩa là cầm thú v.v... có thể tạo nghiệp chăng? Như Xu Yếu nói, Yếu Tập ghi: “Thuần trong nẻo khổ và cầm thú v.v... loại của ngu thuần, không khởi phân biệt”, luận có văn thật, đối với khổ tạp thọ, như rồng, quỷ v.v... những loài có trí sáng suốt cũng được nghe pháp, các thứ chấp hết nên có phân biệt. Như trong kinh nói, quỷ vồ vào đầu của ngài Xá-lợi, thân vùi vào địa ngục, đủ biết được trong quỷ tạo tác đến nghiệp nẻo ác, người ngu độn làm việc sát sinh v.v... ắt sẽ có thể tạo tác đến nghiệp nẻo ác, nghĩa đồng với cầm thú. Nay cho rằng không đúng, trong ba đường ác tạo tác cảm được nghiệp thiện ác quả báo khác nhau, đây tức là có thể như vậy, quả báo chung không tạo, không phân biệt, khổ của cầm thú vi tế không lựa ra người ngu sáng suốt, đều không thể khởi. Nếu do quỷ đánh trên đầu của ngài Xá-lợi, tức là minh chứng tạo ra chung, cảm được nghiệp nẻo ác. Trong kinh cũng nói, loại rồng quỷ nghe kinh, thấy kỹ càng được đắc quả, đâu thừa nhận thật ư? Thừa

nhận tức là trái với luận, không thừa nhận là trái với kinh, nên trong kinh căn cứ theo hóa tướng nói nhập vào Kiến đế v.v... cảm được nẻo thiện ác, căn cứ theo trợ cảm mà nói.

**Luận:** Cùng với thân tà kiến một phần cũng như vậy.

Tây Minh giải thích: Chấp cực khổ uẩn làm ngã, tức là không phải mạn đồng thời, chẳng phải cực khổ uẩn cũng được mạn đồng thời, nên văn sau nói: Nương nhờ vào khổ liệt uẩn, ưu tương ứng. Nay cho rằng giải thích trước là chính, thừa nhận mạn và chấp khổ uẩn kia, thân kiến như nhau, ở đây muốn nói một phần căn cứ vào nhiều phần, nên đoạn sau sư thứ nhất cũng thừa nhận duyên khổ đồng thời với uẩn khởi, mạn ưu đồng thời. Sư thứ hai cũng nói: Cũng khổ câu khởi. Tây Minh nếu nói chấp cực khổ uẩn làm ngã không phải mạn, mạn lẽ đồng thời với khổ nào? Không thể cùng với cái khác đồng thời, không thừa nhận thân kiến hợp nhau, vì không có nhân khác.

Hỏi: Căn cứ theo nhiều phần mà nói, thật lý làm sao đồng thời?

Đáp: Căn cứ theo phân biệt mạn không cùng với chấp khổ uẩn, một phần ngã kiến đồng thời. Sau căn cứ theo Câu sinh, nên được đều khởi.

Lại mạn có bảy, ty nạn được đồng thời, nên luận Du-già quyển 59 ghi: “Nếu mặc tình sinh ra tất cả phiền não, đều ở nơi ba thọ, hiện hành có thể được”. Nếu phân biệt lược có hai mạn: một cao cử mạn, hai ty hạ mạn. Cao cử mạn có ba: một là xứng lượng; hai là giải liễu; ba là lợi dưỡng. Cao sử mạn này hỷ căn tương ứng, nếu ty hạ mạn ưu căn tương ứng.

Hỏi: Luận nói: Tham, sân, si ba Câu sinh phân biệt tất cả, dung chứa năm thọ tương ứng, ý địa phân biệt, thuần khổ thú không có, trong tạp thọ nhân năm thọ tuy có khổ, lại không phải phân biệt, vì sao được nói tất cả đều dung chứa cùng với năm thọ tương ứng?

Đáp: Căn cứ theo quyển 59 thừa nhận năm thức có phân biệt phiền não, tuy chẳng phải tự lực, do ý dẫn sinh, vì sao biết? Luận kia ghi: “Không phải mặc tình sinh, tất cả các phiền não các căn tương ứng”. Ta nay sẽ nói, tham ở nơi một lúc, lạc, hỷ tương ứng, ngã ở nơi một lúc ưu khổ tương ứng, trong khuể cũng nói khuể ở nơi một lúc ưu khổ tương ứng, hoặc ở một lúc hỷ lạc tương ứng.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Nghĩa là như có một lẽ tự nhiên là khổ bức bách cắt thân tâm, bèn khổ ở bên trong tác ý suy nghĩ phát ra tâm tức giận v.v... hỷ lạc tương ứng, ý cũng đồng với đây. Chuẩn theo ý của văn này, đối với



chỗ cực khổ, ý tuy có khổ nhưng không phân biệt, phân biệt khởi mạn, không nói khổ đồng thời. Trong cõi người, năm tạp xứ đã có khổ nên được cùng đồng thời. Luận lại ghi: “Bèn khổ ở bên trong, tác ý suy nghĩ phát ra tâm tức giận v.v...”, do đó cho nên khuể ưu tương ứng, nên do ý dẫn năm thức khởi phân biệt. Do hai luận này đều làm ra định thuyết, nếu không như vậy thì trái nhau.

**Luận:** Kiến chẳng phải tuệ đồng thời vì không khác với tuệ.

Hỏi: Năm kiến không khác với tuệ, không được cùng với tuệ đồng thời, vì sao quyển 4 trước nói thứ bảy tuệ đồng thời, ngã kiến hằng hành không khác với tuệ?

Đáp: Có hai giải thích: một là một đồng thời hữu gọi là đồng thời, hai là tương ứng gọi là đồng thời. Trước thì căn cứ theo Câu hữu, đây thì đứng về tương ứng, tha tánh tương ứng chẳng phải tự tánh; như phú, cuống v.v... là phần của tham si, phần của tham tuy là tham đồng thời, nói cùng với si tương ứng, nếu không như vậy đâu phải ở phần tham lập ra phá v.v... lúc không có si ư? Lại giải thích không như vậy. Các thuyết nói đồng thời là giải thích tương ứng môn. Căn cứ theo nghĩa nói trước, nên nói: Kiến tuy tức là tuệ, như trong tâm sở nghĩa riêng nên khai mở, nay căn cứ theo thể riêng, kiến chẳng phải tuệ đồng thời không chướng ngại phần của nghĩa, nói cùng với tuệ hợp nhau. Nếu như vậy vì sao tha tánh tương ứng? Nếu thừa nhận nghĩa riêng, gọi là tha tương ứng, phần của tham phú, cuống lẽ ra tương ứng với tham, luận đã không thừa nhận trước nói là thắng, đối với tương ứng môn nghĩa nói đều khởi, đây cũng lỗi gì?

**Luận:** Nên biết Câu sinh thân biên hai kiến chỉ Vô ký nhiếp không phát ra ác nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao toàn giới phiền não đều có thể phát nhuận?

Đáp: Có hai giải thích: một là căn cứ theo nói chung, hai là đây căn cứ theo thân phát. Vô ký không thể được, nếu thông với trợ chánh, toàn giới có thể phát, thuyết này là chính.

**Luận:** Nếu được Căn bản định của Địa kia rồi.

Hỏi: Nương theo cận phần định hàng phục chín phẩm sau, chưa nhập vào căn bản, chưa khởi hoặc kia, người mạng chung vì sao hoặc nhuận sinh?

Đáp: Có hai giải thích: một là giải thích như Sớ; hai là thừa nhận Địa trên loại nhuận.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao không phải dụng dưới nhuận?

Đáp: Đã chiết phục chủng tử hiện tại không thể được.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao quyển 59 ghi: “Một triền và tùy miên kết sinh tương tục nghĩa là các dị sinh; hai chỉ tùy miên kết sinh tương tục, nghĩa là thấy được dấu vết của đế?”

Đáp: Đây căn cứ theo nhiều phần như nói Kiến đế, tùy miên, nhuận sinh không ngăn ngại, hai quả ban đầu, cũng khởi triền hiện tại, tuy nói dị sinh hiện ra chủng tử cùng nhuận, thì đâu ngăn ngại chỉ chủng tử?

Hỏi: Vì sao được biết hai quả ban đầu khởi triền hiện tại, nhuận sinh?

Đáp: Luận Du-già quyển 1 ghi: “Lại các dị sinh lúc sắp mạng chung, ngã ái hiện hành do sức này, nên liền yêu mến thân mình, do đây kiến lập thân Trung hữu, sinh báo”. Nếu Dự lưu một lúc đến ngã ái cũng lại hiện hành, tuy nói chế phục, không nói chẳng nhuận.

Luận Tạp Tập quyển 5 ghi: “Do thế lực này các dị sinh đông”, nay do trong vô gián có tương tục, chưa lìa dục Thánh cũng như vậy, lúc sắp mạng chung cho đến chưa đến không phải rõ ràng tướng vị, trong đó có thể khởi ái này hiện hành, nhưng sau tuy nói đối trị nhiếp phục không nói chẳng phải nhuận, lìa dục Thánh là vẫn tự nói lời, đối trị sức mạnh, ái không phải hiện hành, do sức của tùy miên, khiến cho sinh tương tục. Lại giải thích Thánh chỉ là loại nhuận, phàm chỉ là loại hiện, nếu như vậy văn của hai luận làm sao thông được?

Đáp: Điều nói chế phục không nói năng nhuận, giả sử nhuận là trợ, văn của quyển 59 căn cứ theo chánh nhuận mà nói, cũng không trái nhau, như thật nghĩa, hai quả của phàm phu đều loại, hiện nhuận, vẫn như nói trước. Nếu như vậy vô tâm, lúc ngủ, buồn bực, bị giết, tức là không phải ái hiện tại, dụng chánh nhuận làm gì?

Đáp: Lúc lâm chung có tâm ất sẽ định khởi luôn ái, chẳng phải một sát-na tức là có thể giết.

Hỏi: Ở nơi địa vị nhuận sinh, thân Trung hữu sinh khác nhau, lại khởi ái duyên theo thân mình cảnh riêng, là ở nơi hai vị đều khởi hai ái là không như vậy?

Đáp: Trong nhuận có khởi tự thể ái, nhuận sinh hữu khởi cảnh giới ái, vì ở nơi tử hữu không thấy Trung hữu, nghĩa là ngã không có khởi tự thể ái, ở nơi địa vị Trung hữu thấy sinh xứ nên khởi cảnh giới ái. Cho nên luận Du-già quyển 1 ghi: “Ngã ái hiện hành do sức này”, nghĩa là ngã sẽ là vô mà liền yêu mến tự thể, do đây kiến lập tự thể của sinh báo, cho đến nói mình đối với nghiệp kia đã được sinh xứ, trở lại thấy

chúng loại hiện tượng như vậy, hỷ lạc trì thú tức là ở nơi sinh xứ cảnh sắc đã ngăn ngại, thân Trung hữu bèn diệt, sinh hữu nối tiếp khởi.

Hỏi: Trung hữu mặt tâm gọi là chết chẳng?

Tây Minh nói: Không phải gọi là chết, nói thân Trung hữu mất là căn cứ theo Thức thứ sáu mà nói, Thức thứ tám tương tục, nay cho rằng không đúng. Đối Trị, Du-già đều ghi: “Trung hữu trụ lâu nhất là bảy ngày, hoặc có chết non, cho đến trải qua bảy lần trở lại”, lại không mắc lỗi. Nếu chuẩn theo văn này thừa nhận Trung hữu chết, nếu nói chỉ là Thức thứ sáu không hiện hành, vì sao bảy ngày mới ngày không hiện hành, lúc sáu ngày v.v... vì sao duyên không diệt? Nếu nói cũng thừa nhận tức là gặp duyên ngăn ngại Thức thứ sáu không khởi, vì sao nhất định bảy ngày đến bốn mươi chín ngày? Lại nữa thân Trung hữu đổi sinh ra đường khác, đâu phải Thức thứ tám không bỏ liền đến chỗ kia ư? Nếu như vậy sẽ thành tựu lỗi thú sinh tạp loạn. Lại đâu được nói hoặc có thân Trung hữu chết yếu? Nên thừa nhận thân Trung hữu có chết. Tạp Tập, Du-già đều nêu đủ. Nếu như vậy, vì sao chẳng gọi là tử hữu? Thức thứ tám sau nói chung gọi là sinh chi?

Đáp: Phương tiện của thú sinh tuy có sinh tử, chẳng phải riêng lão chi.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao gọi là sinh chi?

Đáp: Nương theo bốn hữu nói là trái, mười hai chi căn cứ không sửa đổi hướng đến.

Hỏi: Nếu Trung hữu mai một chỉ thú sinh, tức gọi là tử chi, vì sao cần phải lập ra bốn hữu này?

Đáp: Nghĩa sai biệt, nêu chuẩn theo tên có thể biết.

Hỏi: Tức là nương theo sáu hành, có thể hàng phục được hạ hoặc mới được định trên, sáu hành hàng phục hoặc nghĩa đó như thế nào?

Đáp: Lược có bốn nghĩa rõ ràng:

1. Nói rõ sáu hành tương.
2. Căn cứ theo bảy tác ý mà nói.
3. Căn cứ theo bốn đại.
4. Đối trị.

Nói sáu hành, quán dưới là thô, khổ, chướng; quán trên là tinh, diệu, ly; năng quán chỉ là tuệ; thô, tinh sáu tương tức là cảnh sở quán, hành nghĩa là hành giải hành tương, thông với năng sở quán, như mười sáu hành, nhưng năng quán thù thắng chỉ được tên hành, lúc quán ở địa dưới làm tướng thô, tầm, tứ sáu sự. Luận Du-già quyển 33 ghi: “Làm sao hiểu rõ tướng thô của cõi Dục? Nghĩa là chánh tầm tứ cõi Dục sáu

sự; một là nghĩa; hai là sự; ba là tướng; bốn là phẩm; năm là thời; sáu là lý”. Nghĩa là tổn hại, bệnh ôn dịch bệnh hủi, tai hại v.v...; sự là đối với cảnh khởi tham trong ngoài; tướng là đối với cảnh thuận theo thọ sinh, tướng tâm thấy điên đảo, vốn tùy theo hoặc, chỗ của sở y; phẩm là các dục đã sinh lỗi hoạn rất nhiều chủng loại; thời là ba đời thường sinh ra lỗi hoạn; lý là tâm, tứ nương theo ba lượng, quán các dục kia sinh ra lỗi, đã tu tướng tĩnh lặng ngược với trên nên biết. Vả lại thành tựu cõi cõi Dục gọi là quán các dục, nhưng lúc đoạn hoặc, quán ba tướng sau tùy theo một tướng trước, ba tướng trước cũng như vậy, chẳng phải mỗi mỗi đầy đủ ba tướng, cũng không tùy theo quán trên dưới chỉ một, cần phải trên dưới đều là một, vì nhằm chán dưới, ưa thích trên. Nên Tập Tập luận quyển 9 ghi: “Thấy trong cõi Dục lỗi loạn, nên liễu đạt được tướng thô trong Sơ thiền, tướng này vô gọi là tĩnh tướng, là gọi liễu tướng tác ý”. Trong Thắng giải tác ý cũng nói: Như là tánh của tầm, tứ, thô, tĩnh tướng, gọi là thắng giải tác ý, năm thứ khác chuẩn theo nên mỗi mỗi quán hai tướng, do có khả năng khác, trong các luận lược không nói, nếu không như vậy, hoặc còn lại vì sao hành đoạn, chẳng phải đạo xuất thế? Nhưng vô gián, giải thoát mỗi mỗi một hành tướng, mỗi mỗi một sát-na vì thời gian nhanh chóng, nhưng vô gián quán thô, Giải thoát đạo quán tĩnh lặng, còn lại đều chuẩn theo mà biết, chưa thấy văn luận kinh của Đại thừa nói. Chuẩn theo luận Câu-xá quyển 24 ghi: “Các vô gián duyên đạo theo tự lần lượt địa dưới các pháp Hữu lậu, làm ra khổ, thô v.v... trong ba hành tướng tùy theo một hành tướng, các duyên Giải thoát đạo theo lần lượt địa trên các hữu pháp, làm ra tĩnh, diệu v.v... trong ba tướng tùy theo một tướng. Lại thô, khổ, chướng ba loại cảnh, tướng làm tĩnh, diệu, ly, như lần lượt ngược với nó, lại thô, tĩnh tướng hai loại mỗi mỗi là chung, hai loại còn lại hai thứ mỗi mỗi là riêng”. Nên Tập Tập Luận quyển 9 ghi: “Như vậy tướng thô lược có hai loại: một là trụ nơi trọng khổ, không phải tịch tĩnh trụ, hai là mạng hành dần dần ít, thọ mạng ngắn ngủi, tức là sở quán chướng”.

Tĩnh tướng nghĩa là đối với tất cả địa trên cho đến phi tướng phi phi tướng xứ cùng với tướng thô trái nhau, luận Du-già quyển 33 văn rất đồng với đây, cả hai căn cứ theo bảy tác ý nói rõ, chín phẩm hoặc của cõi Dục đoạn ba phẩm ban đầu, đều dùng liễu tướng, thắng giải, hai thứ tác ý mà làm gia hạnh, mới khó đoạn, hoặc ba phần đồng một gia hạnh thắng tấn. Duy Thức quyển 10 ghi: “Lúc Nhị thừa căn độn tiệm đoạn chướng, vô gián, giải thoát ắt sẽ đều khởi khác nhau, gia hạnh, thắng tấn, hoặc chung hoặc riêng, trung, hạ cũng như vậy, mà làm gia

hạnh, xa lìa tác ý làm Vô gián đạo, nhiếp lại tác ý làm Giải thoát đạo và thắng tấn”.

**Quyển 33 ghi:** “Từ đây trở về sau ái lạc đoạn, ái lạc xa lìa ở trong các đoạn thấy được công đức thù thắng, xúc chứng được tiểu phần xa lìa hỷ lạc, đối với thời thời gian vui vẻ tác ý mà thâm sâu mừng vui, đối với thời thời gian nhàm chán xa lìa tác ý mà thâm sâu nhàm chán lo lắng”. Chuẩn theo đây xúc chứng được tiểu phần, tức là Giải thoát đạo vui vẻ tác ý tức là Thắng tấn đạo, mà thâm sâu nhàm chán lo lắng tức là gia hạnh đạo, trong ba phẩm hoặc trở lại dụng nhiếp lạc mà làm bốn đạo phẩm trung dễ trừ, chẳng phải trừ tác ý mà làm gia hạnh, ba phẩm hoặc hạ quán sát tác ý làm gia hạnh đạo sẽ muốn ra khỏi giới tế khó đoạn. Một làm gia hạnh, lại không đồng với ban đầu mới rất khó đoạn, gia hạnh cứu cánh, tác ý làm Vô gián đạo, gia hạnh cứu cánh quả tác ý là Giải thoát đạo, nên luận Du-già quyển 33 ghi: “Liêu tướng tác ý ở nơi sở ứng đoạn có thể chính rõ biết, tâm sinh ra ít nguyện, Thắng giải tác ý là đoạn là đắc chánh chứng được gia hạnh, Viễn ly tác ý có thể bỏ được sở hữu phẩm thượng phiền não, Nhiếp lạc tác ý có thể bỏ được sở hữu phẩm trung phiền não, Quán sát tác ý có thể ở nơi sở đắc lìa được tăng thượng mạn, an trụ tâm; Gia hạnh cứu cánh tác ý có thể bỏ được sở hữu phẩm hạ phiền não, Cứu cánh quả tác ý có thể chính lãnh thọ các tác ý kia, khéo tu tập quả”, đã nói có thể chính lãnh thọ, tức là chứng nghĩa cho nên giải thoát. Lại giải thích riêng khởi giải thoát, chẳng phải Thứ thứ bảy tác ý. Luận Du-già quyển 11 ghi: “Do chứng phương tiện cứu cánh quả của tác ý phiền não đoạn rồi, mới được căn bản Tam-ma-địa”. Gia hạnh cứu cánh quả tác ý, quyển 33 nói là căn bản định đều hành tác ý, quyển 11 lại ghi: “Do chứng quả phiền não đoạn rồi mới được căn bản”, nên biết khởi riêng, cả hai thuyết đều được, sau sẽ giải thích.

Hỏi: Đã có chín phẩm, vì sao chỉ nói ba?

Đáp: Từ phẩm loại chung nói chỉ chia ra ba phẩm.

Hỏi: Căn cứ theo đoạn chín phẩm hoặc, có chín vô gián, chín Giải thoát đạo, vì sao chỉ nói ba tên là đoạn?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Ba tác ý này mỗi mỗi đoạn ba, hành tướng phẩm loại đều tương tự nhau luận không phải nói riêng.

2. Hoặc tuy chín phẩm, chỉ ba phẩm đoạn, vì thế đạo có ba phẩm, các luận đều chỉ nói ba phẩm đoạn, chẳng phải chín phẩm.

Hỏi: Nương theo trong lời trước đoạn phẩm hoặc hạ, lại chia ra ba phẩm, đoạn phẩm thứ ba có thể gọi là cứu cánh, đoạn hai phẩm ban đầu

và trung, vì sao gọi là cứu cánh?

Đáp: Chẳng phải mong ba phẩm tự loại mà nói, mong ba phẩm chung hợp mà đoạn, hạ ba phẩm chung là phẩm hạ nên gọi là cứu cánh, nếu không như vậy vì sao luận Du-già, Tạp Tập đều chỉ nói cứu cánh đoạn được phẩm hoặc của hạ ư? Nương theo giải thích thứ hai tức là không phải ngăn ngại đây.

Hỏi: Trong đoạn hạ phẩm, hai phẩm hoặc trước, dụng vì sao tác ý làm Giải thoát đạo?

Đáp: Một là dung nhiếp lạc tác ý làm hai phẩm giải thoát, quyển 62 nói thông với bốn đường. Luận Du-già quyển 33, Tạp Tập quyển 9 đều nói Thức thứ bảy tác ý là căn bản định đều tác ý. Lại đoạn phẩm hạ này lúc Vô gián đạo chưa nhập vào căn bản. Hai tức là Thức thứ bảy tác ý, nói căn bản định đều tác ý căn cứ theo đoạn hạ hạ Giải thoát đạo mà nói. Ba tức là gia hạnh cứu cánh tác ý, làm ba vô gián hai Giải thoát đạo, vì tên thể đồng, luận không nói riêng, đây lẽ ra tốt, như nhiếp lạc là đoạn ba phẩm trung, có thể làm bốn đạo.

Hỏi: Nếu cho nhiếp lạc là đoạn bốn đạo của phẩm trung, luận vì sao không nói?

Đáp: Vì cảnh hiển, hai phẩm thượng hạ đều nói gia hạnh và Giải thoát đạo, nên ở phẩm trung lược mà không nói, lại đoạn phẩm trung đồng một tác ý, tuy có bốn đạo, lại không nói riêng.

Hỏi: Vì sao được biết nhiếp lạc thông với bốn đạo?

Đáp: Quyển 62 nói Nhiếp lạc tác ý bốn loại đạo nhiếp.

Hỏi: Vả lại đoạn phẩm hoặc thứ chín của cội Dục, khởi Giải thoát đạo tức là căn bản làm cận phần ư?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Tức là nhập, quyển 33 Tạp Tập luận quyển 9 đều ghi: “Là tên Gia hạnh cứu cánh tác ý”, từ vô gián này, do nhân duyên này, chứng nhập vào căn bản Sơ thiền định, tức là Sơ thiền này định đều tác ý, gọi là Gia hạnh cứu cánh quả tác ý, Thức thứ bảy tác ý là giải thoát kia, tức là nhập vào căn bản.

2. Hoặc có không nhập, nên luận Du-già quyển 11 ghi: “Ở trong Hữu lậu phương tiện, trước nói giải thoát, sau nói Tam-ma-địa, do chứng được phương tiện cứu cánh, quả của tác ý phiền não rồi, mới được căn bản Tam-ma-địa”, tức là nói do chứng được quả rồi mới được căn bản Tam-ma-địa, nên Giải thoát đạo chẳng phải là căn bản, chuẩn theo hai văn này, theo lợi độn khác nhau, hai giải thích đều đúng, đều không trái nhau.

Hỏi: Nếu Nhiếp lạc tác ý đoạn phẩm hoặc trung, vì sao quyển 33 nói vì trừ được hôn trầm v.v...?

Đáp: Căn cứ theo gia hạnh quán tịnh, diệu tướng, sách lệ giữ gìn tâm, chẳng phải Vô gián đạo.

Hỏi: Nếu Quán sát tác ý là đoạn phẩm hạ, gia hạnh đạo, vì sao chỉ nói tăng thượng mạn?

Đáp: Vì đoạn ít được nghĩa là làm nhiều được tăng thượng mạn, tiến tu gia hạnh đoạn những thứ hoặc chưa được đoạn, có thuyết cho rằng đoạn chín phẩm. Sau phẩm vô gián tức là Giải thoát đạo của vô gián trước, nghĩa này tuy được nhưng trái với luận Thành Duy Thức. Luận kia quyển 10 ghi: “Nhị thừa căn độn tiệm lúc đoạn chướng, vô gián, giải thoát, tất sẽ đều khởi riêng hoặc có thể không trái” luận kia căn cứ theo thật đoạn, đây căn cứ theo hàng phục mà nói. Căn cứ theo bốn đạo, sáu hành gia hạnh này, thắng tấn đều được làm đủ, vì thời gian dài, vô gián giải thoát đều một hành tướng. Quyển 62 ghi: “Các cận phần định, nếu phương tiện đạo, nếu Vô gián đạo, nếu Giải thoát đạo, hoặc làm đoạn diệt, hoặc làm chứng đắc mà tu tập, hoặc quán lỗi dưới quán vắng lặng trên, nếu Thắng tấn đạo sẽ biết kia là biến khắp đầy đủ sở y”. Lại quyển 33 v.v... đối với Liễu tướng, Thắng giải hai loại tác ý đều nói quán thô, tinh. Luận Câu-xá cũng đồng, như đã dẫn trước.

Căn cứ theo đối trị, có bốn đối trị: Một là Yểm hoạn đối trị; hai là Đoạn đối trị; ba là Trì đối trị, bốn là Viễn phần đối trị. Trước căn cứ theo tác ý để nói rõ sáu hành, nay căn cứ theo tác ý phối hợp với bốn đối trị, tức là có thể chuẩn theo mà biết. Luận Du-già quyển 66 ghi: “Nên biết trong đây từ Liễu tướng tác ý cho đến Thắng giải tác ý, gọi là Yểm loạn đối trị tu, từ Viễn ly tác ý cho đến Phương tiện cứu cánh tác ý, gọi là Đoạn đối trị tu, Phương tiện cứu cánh quả tác ý, gọi là Trì đối trị tu”. Từ đây trở lên bảy loại tác ý, tùy theo chỗ nhiếp Thắng địa Địa thượng, nên biết tất cả gọi là Viễn phần đối trị tu. Đây căn cứ theo một tướng, theo thật nhiếp lạc thông với bốn đối trị, quán sát cũng thông với yểm hoạn đối trị, nghĩa như nói trước.

Hỏi: Căn cứ theo quyển 33, Tập Tập luận quyển 9, đều thông nói Quán sát tác ý làm năng đoạn hoặc, vì sao văn này nói Đoạn đối trị tu?

Đáp: Hai tác ý ban đầu hoàn toàn chưa có đoạn, tác ý thứ bảy căn cứ theo địa dưới, lại không thể đoạn giữa quán sát trước sau có đoạn, nên theo nhau nói, gọi là Đoạn đối trị.

Hỏi: Dưới khởi trên, giữa; thân kiến biên kiến là định hay là

sinh?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Định phiền não được túc trụ thông, hoặc lại thiên nhãn thấy Phạm vương kia chấp ngã chấp thường tức là định loại.

2. Sinh hoặc, đây đối với thân khác khởi hai kiến này, là sinh loại kia gọi là sinh hoặc, nhưng định hoặc chỉ phân biệt khởi sinh hoặc thông với hai loại, nhưng chánh nhuận sinh không nhận lấy hai kiến, ở nơi địa vị này, khởi cũng lại không lỗi, nhưng là duyên chung, chẳng phải là duyên riêng, vì vị lai vô, chỉ duyên ngã kiến không phải đã giúp chất.

**Luận:** Sinh trên khởi dưới, vả lại như phỉ báng diệt.

Yếu Tập xác quyết rằng: Có giải thích là thắng, Trung hữu, bản hữu, dù sắc, Vô sắc đều được khởi chê bai và khởi các hoặc, đều sinh ra thân kiến biên kiến, tuy không cùng với nhuận sinh ái đồng thời nhưng trước sau khởi, ở nơi lý không ngăn ngại, nhưng lý khó thấy. Nay cho rằng, Trung hữu, bản hữu, dù sắc, Vô sắc đều được khởi chê bai. Căn cứ vào đầu mà nói? Nếu tăng thượng mạn được ba định đầu, lúc sắp chết sinh về cõi trên, chưa chứng quả vô sinh ở trong Trung hữu, bản hữu đều không nên chê bai, nếu đắc được định thứ tư nghĩa là quả thứ tư, tức là sinh về Trung hữu thứ tư, khởi chê bai. Luận có văn thật, không nói sinh về bản hữu, cũng không nên sinh về Vô sắc khởi chê bai, vì sao? Đắc được định thứ tư, chấp làm quả thứ tư, ắt sẽ không phải lại tu định của cõi Vô sắc, vì sao? Tức là chấp vào định Hữu lậu thứ tư, làm thể của quả, lại tu định của Vô sắc, sẽ làm ra pháp gì? Nếu làm ra công đức thù thắng, tức là không nên chấp vào định thứ tư làm, nếu các ngoại đạo sinh về cõi Sắc chê bai là sắc tà kiến, không nói ngoại đạo khởi, sau chê bai hủy diệt đạo vào địa ngục, nếu sinh về cõi Vô sắc, nhầm chán trái với dưới kia không duyên theo dưới, vì sao có thể nói chê bai giải thích Niết-bàn? Nếu chê bai kia chấp vào chỗ được Niết-bàn chẳng phải là thật Niết-bàn, bèn là chánh kiến chẳng phải tà kiến. Lại nữa vốn chấp cõi trời kia làm quả, được chê bai gì? Nếu nói dựa trên tà kiến chê bai địa dưới, đây cũng không như vậy, vốn giải thích sinh về cõi trên khởi dưới, không luận sinh về cõi trên khởi cõi dưới lại. Nếu sinh về cõi trên khởi cõi trên chê bai cõi dưới cũng chẳng phải Vô sắc, luận chỉ nói lời Bồ-tát Xá-da, Thanh văn quảng tuệ, vì tâm của Vô sắc rõ được tất cả pháp, không nói còn lại. Các thứ khởi nhiều ít, không phải văn nhất định phán quyết, tùy theo sự lấy bỏ.

Hỏi: Trên duyên theo ở dưới kiến thủ, giới cấm thủ, vì sao được duyên theo dưới mong trên không được tên thắng?



Đáp: Nhớ xưa cỡi dưới đã khởi kiến thủ giới cấm thủ chấp làm thắng tịnh, mong cỡi dưới nói là thắng là tịnh, không hình ở trên.

Tây Minh giải thích trên duyên theo tham, tổng hợp các điều trái nói: Hoặc nương theo duyên riêng nói chung riêng. Vả lại nói năm loại có ba câu:

1. Chỉ chung chẳng phải riêng nghĩa là Tát-ca-da-kiến và biên tà kiến Câu sinh, phân biệt.

2. Chỉ riêng chẳng phải chung nghĩa là sân tuy không phải chánh văn phân biệt, Câu sinh nghĩa cũng không ngăn ngại.

3. Thông với chung riêng, nghĩa là tham, mạn, nay cho rằng sân hoặc cũng được chung duyên, cùng với kiến, mạn câu, tà kiến chung phát ra, mạn cũng chung... sân tức là thừa nhận đồng thời, vì sao không duyên chung thân kiến, biên kiến cũng riêng, như bốn phần thường luận duyên theo Phạm vương và đại chủng v.v... kia, nếu chẳng chấp ngã làm đoạn thường, chẳng phải biên kiến, nhưng tuy được định trên mới chấp vào Phạm vương, kiến đã khởi chưa nhất định cỡi trên.

**Luận:** Nhưng mê Đế tướng có chung có riêng. Luận Tạp Tâm ghi: “Cỡi dưới khổ đầy đủ tất cả, hai hành kia ba kiến, đạo trừ được hai kiến, cỡi trên không hành khuể. Nay Đại thừa tụng: “Dục mê bốn có mười; tùy hành ba, tám loại; tu lục thông hành mê, thượng kiến tu trừ khuể”.

Nhưng mê Đế tướng có chung có riêng. Chung có bốn câu:

1. Số tổng hành biệt
2. Hành tổng số biệt
3. Số tổng hành tổng
4. Số biệt hành biệt

Số tổng hành biệt, mỗi Đế có mười, đều mê tự Đế, nhưng nương theo một Đế, duyên theo mê nhiều Đế, gọi là hành tổng, nếu số tổng hành tổng Đế mỗi mỗi có mười gọi là số tổng, hành tổng là mê hai, ba Đế v.v... đều gọi là tổng. Bốn Đế có sáu tức là có sáu mươi, hai cỡi trên, Đế mỗi mỗi trừ sân, sáu lần chín là năm mươi bốn hợp thành một trăm lẻ tám. Ba cỡi chung có một trăm sáu tám, nếu chín hợp thành có bốn câu, cỡi Dục có bốn mươi, ba cỡi trên Đế mỗi mỗi có ba mươi sáu, hợp thành một trăm mười hai, nếu bốn Đế hợp ba cỡi bốn Đế có hai mươi tám, nếu số biệt hành biệt tức là trong tụng trước, đều mê tự Đế.

Hỏi: Trong đây y biệt duyên biệt, theo đâu mà nói mê?

Đáp: Theo sở duyên mà mê y chẳng phải duyên.

Hỏi: Nếu như vậy lẽ ra là Đế hoặc của sở duyên, vì sao nói y?

Đáp: Nhờ nó sinh, nương theo nó khởi.

Hỏi: Một trăm hai mươi tám nương vào đâu mà lập?

Đáp: Nương theo số tổng hành biệt đều Tu đạo hoặc, nếu nương theo câu khác, tức là có tăng giảm, suy nghĩ có thể biết.

Hỏi: Y duyên khác gì?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Duyên nghĩa là duyên hết, tức là sở y, gọi là duyên.

2. Y tức là nương gá, duyên cảnh sở duyên, như khởi vô minh, mê ở nơi khổ tập, nhân đây khởi nghi, nghi rồi tức là sinh ra tà kiến, chung phát ra không phải bốn Đế, tức là đã nghi phát ra làm sở duyên, vô minh tức là nhân y.

Hỏi: Theo gì đoạn, là theo sở y, theo sở duyên mà nói đoạn ư?

Đáp: Từ y, duyên đoạn đều không lỗi, vì trong Đại thừa kiến hoặc liền đoạn, không đồng với Hữu bộ trước sau đoạn riêng. Lại có bốn câu có mê mà không duyên nghĩa là hai thủ, có duyên mà không mê nghĩa là trí Vô lậu, có đều duyên mê, nghi tà kiến v.v... có chẳng phải duyên mê duyên theo lông rùa v.v... chẳng phải Đế nhiếp.

Hỏi: Mười phiền não này mê Đế thân cận, sân, mạn, tà kiến, nghi và vô minh gần gũi mê dễ biết. Hai kiến thân kiến, biên kiến đều không duyên lý, vì sao gần gũi mê?

Đáp: Tuy không duyên lý, chính mê muội ở nơi lý không vô ngã kia hành tướng thâm sâu mê gọi là gần gũi mê. Nếu mê muội Đế khác, theo thông với không vô ngã ngược với hành tướng kia, và chấp Đế dưới hoặc khác cho là ngã nên cũng gọi là mê hành tướng của hai thủ tuy thâm sâu, cũng duyên theo Đế dưới hoặc khác, nhưng chẳng phải chính, ngược với lý của không vô ngã, không gọi là gần gũi mê.

Hỏi: Sân, mạn, ghét diệt, đạo, có thể được thân mê, gần gũi mạn diệt, đạo, vì sao được gần gũi mê.

Đáp: Luận nói: Tham, sân, mạn ba kiến, nghi đều sinh, tùy theo nên như kia, tham hai kiến câu nên được thân mê phần y đối trị hiện tiền, không lợi ích cảnh.

Tây Minh hỏi: Phần tức là duyên theo diệt, vì sao đây nói nương theo cảnh hiện tiền?

Giải thích rằng: Theo nhiều làm luận, luận này, Hiển Dương đều nói duyên theo hiện tiền, thật cũng duyên theo diệt. Nay nói giải thích này có trái với văn sau, sự trước mười chung không duyên theo trên, sự sau ghen ghét v.v... cũng duyên theo trên không nói phần còn không duyên trên, vì sao duyên theo diệt. Sau thừa nhận ghen ghét v.v... gần gũi mê muội diệt đạo, không nói phần này duyên theo diệt đạo. Nếu

như vậy chuẩn theo sau nói phần cũng duyên theo sát-na quá khứ, chẳng phải chỉ cảnh hiện tiền. Nay vì sao nói hiện tiền? Nếu thấy oan gia nói diệt đạo v.v... đâu không phải ở nơi kia cũng khởi phần ư?

Từ Ân giải thích rằng: Thừa nhận cũng không lỗi, đây thành tựu tướng thô. Nói không phải gần gũi duyên tức là sân tuy nhiên chưa thấy chánh văn, mặc tình lấy bỏ. Nhưng Tây Minh nói: Phần cần phải nương giá bản chất, chuẩn theo tức là được duyên theo sát-na quá khứ cũng không chỉ nương giá ở nơi bản chất.

Hỏi: Siểm cống chỉ định ban đầu, định ban đầu ý thọ mà nói là hỷ, căn vui vẻ gọi là lạc, vì sao siểm cống được cùng với lạc đồng thời?

Đáp: Chỉ căn vui vẻ gọi là chánh lạc, là ý tương ứng hỷ, nên được cùng hợp nhau.

Hỏi: Trong địa ngục nghiệp tướng đều hiện, vì sao có nói đối cùng với khổ đồng thời?

Đáp: Tuy nghiệp tướng hiện mà cùng khởi nói đối, lại kiểm luận Thập Địa, địa ngục có nói đối nghiệp đạo chẳng?

Hỏi: Phần v.v... nương theo phần sân, sân được thân biên đồng thời phần v.v... vì sao không như vậy?

Đáp: Vì thô tế khác nhau.

Hỏi: Phần v.v... thô mạnh mẽ đều khởi gọi là chủ, cùng với mạn v.v... đều đâu còn tên chủ?

Đáp: Vì tự loại chẳng phải đều nói là chủ.

Hỏi: Năm thức được pháp tự tướng, vì sao được cùng với phân biệt hoặc đồng thời?

Đáp: Tự không phải phân biệt, do tha dẫn sinh, chứng được cảnh rõ ràng, nên được tự tướng.

Hỏi: Tán loạn v.v... vì sao được cùng với định hợp nhau?

Đáp: Trong muội định tâm tầm ưu, nên cùng được tương ứng, lại tham sân chuyên chú duyên theo cảnh, cũng có nhiễm định, nên tán loạn hợp nhau.

**Luận:** Tỳ theo sức của sở y duyên chung riêng hoặc.

1. Tỳ theo sở duyên y kia, ở nơi bốn Đế, chung riêng hoặc khởi, như phiền não kia đều thông với bốn Đế.

2. Mê Đế phiền não hoặc y hoặc duyên, chia thành bốn câu, hữu y một Đế duyên nhiều, hữu y nhiều duyên một, hữu y một duyên một, hữu y nhiều duyên nhiều, hành tướng tư chuẩn theo, tùy hoặc tùy theo kia.

Hỏi: Từ đâu mà nói đoạn?

Đáp: Tùy theo sở y duyên, đều không ngăn ngại.

**Luận:** Vì một môn chuyển. Tây Minh nói: Một ý căn môn chuyển, nay cho rằng không đúng, đã có sắc căn, vì sao không phải y chuyển? Tức là nên giải thích rằng: Do không phải năm thức, không làm ra là giải thích, lại không phải nhân khác. Nếu nói do mê muội khinh suất, định tức là rõ ràng rộng rãi, vì sao không nương theo năm sắc căn môn kia? Lại văn sau nói rõ năm câu ý, chẳng phải chuyên là rõ được sở duyên của năm thức, lại đối với sở duyên kia, có thể rõ ràng thủ, nên biết một môn chuyển, rõ ràng chỉ một ý thức, nếu một căn môn, nên nói nương theo một môn chuyển.

**Luận:** Như cái triền khác, Yếu Tập ghi: Có thuyết nói không lập lượng, Tây Minh có hai lượng:

1. Thùy miên chẳng phải không có dụng của thể vì là cái triền, như cái triền khác, nay cho rằng lượng này cũng một phần trái với lỗi của tông vì sao? Thùy miên giả thật thông với tâm, nay nếu thành lập giả thùy có thể, tức là trái với lỗi của tông, giống như nói không lựa ra, lập lượng nên nói, thật thùy miên chẳng phải địa vị của vô tâm, nhân, dù có thể biết, nói thật thùy miên lựa ra địa vị vô tâm giả gọi là thùy miên, không hiển bày có riêng thật thể, do Luận sư Kinh bộ xúc, thọ, tướng bên ngoài, cùng tư phần vị đều là giả, chấp lấy dụ của cái triền, tức là có một phần sở lập chẳng thành, ý lựa ra Luận sư Kinh bộ, ở địa vị vô tâm, thật lập ra thùy miên.

2. Lại lượng rằng: Thật thùy miên là tâm tương ứng, nhân, dù có thể biết. Trong luận thứ hai tông pháp nhân, dụ dưới an ổn, trong văn chữ “cho nên” lẽ ra cái triền dưới chấp trước, là nhân cần có, tánh tướng là văn, chẳng nương theo thứ lớp. Trước nói Hữu vô tâm vị là lập lượng nên nói chẳng phải vô tâm vị, trong văn lược không phải hữu pháp trong tông, văn trước đã nói rõ ràng, nên lược không nói. Sở ghi: Chẳng phải tức là vô tâm, nhất định là tâm sở, là tông pháp thứ hai, như cái khác tức là chỉ cho dụ. Lại nói: Chẳng phải pháp của vô thể, là tông pháp thứ ba, tỷ lượng chuẩn theo mà biết, nên lược không đầy đủ, nhưng trong văn của luận hai câu ban đầu sơ có các thứ trái, hai câu sau phá Dị thực.

**Luận:** Phi tư tuệ tướng triền tánh kia, Sở như lượng ban đầu nói, nhiệm tư tuệ một phần là hối, nhiệm tư tướng một phần là miên, nên chẳng phải làm tánh của triền vì là tư tuệ tướng. Lượng thứ hai làm ác tác v.v... một phần chẳng phải nhiệm tư tuệ tướng là hữu pháp, chẳng phải ác tác v.v... tánh của hai pháp kia là tư tuệ tướng.

**Yếu Tập ghi:** “Có thuyết nói giải thích ban đầu ít không thuận theo văn. Văn nói chẳng phải tư tuệ tưởng là tông pháp, chẳng phải là hữu pháp, cũng chẳng phải nhân”. Nay cho rằng giải thích ban đầu cũng không có lỗi, vì tánh tướng là văn. Vả lại trừ đi chữ “phi” thêm một chữ “nhiệm”, nói một phần của nhiệm tư tuệ tưởng làm hối miên làm hữu pháp chấp lấy chữ “phi” ban đầu và chữ “triền tánh” tức là tông pháp, chấp lấy chữ tư tuệ tưởng trước là chữ “tánh cố” sau làm nhân. Văn nói kia tức là tịnh Vô ký tư tuệ tưởng, vì tông hữu pháp chấp lấy nương theo nhiệm tư tuệ tưởng, hối miên, đồng dụ chấp lấy chẳng phải hối miên ngoại trừ tư tuệ tưởng. Nhân nói tánh của tư tuệ tưởng chung thông suốt với tông, nêu đều đầy đủ.

**Luận:** Suy lường không sâu và suy lường sâu.

**Sớ phần đầu ghi:** “Không thâm sâu tức là không phải suy lường, vì Đối Pháp nói không phải suy lường”.

2. Tuy không như tuệ có suy lường thâm sâu, cũng suy lường cạn cợt hợp với Đối Pháp. Nói không phải suy lường là không phải suy lường thâm sâu. Yếu Tập ghi: “Tuy có hai lời hợp làm giải thích ban đầu, trái với văn của Đại luận”. Nay cho rằng đoạn này quá mạnh mẽ ư? Vì hợp với thuyết của Đối Pháp đồng với luận Du-già, theo đâu mà nói là trái? Tây Minh thứ nhất nói khi tầm, tứ không phải suy lường, thì chỉ tư là tánh, vì không phải tuệ, lúc suy lường thâm sâu cho tuệ là tánh giải thích này chính là trái với luận Du-già đã nói, không phải nói suy lường thâm sâu. Thứ hai nói tầm, tứ ắt sẽ dụng hai pháp, giả hợp làm tánh, nghĩa là một sát-na hai dụng đều khác nhau, không phải suy lường sâu xa là dụng của tư, suy lường sâu xa là dụng của tuệ, nghĩa này không rõ, tầm tứ không đồng thời, vì sao hai dụng phần của một sát-na, không suy lường thâm sâu, nếu cho rằng lúc tầm có tư, lúc tứ có tuệ, trái với luận đã nói. Nếu nói lúc khởi tầm hoặc lúc khởi tứ đều nương theo tư, tuệ hai pháp, phần của dụng, tầm tứ khác gì? Nên biết tầm suy lường cạn cợt, tư suy lường thâm sâu, nên luận này nói thô chuyển tế chuyển.

Lại nói: Hai loại đều khác nhau. Lại quyển 4 trước suy lường cạn cợt, thâm sâu thô tế phát ra lời, tuy đều nương theo hai loại, lúc tầm tư tăng gọi là không phải suy lường sâu, lúc tư tuệ tăng gọi là suy lường cạn. Nên luận Ngũ Uẩn ghi: “Tìm câu ý nói tư, tuệ sai biệt, khiến cho tâm thô là tánh, tứ quán sát ý nói, tư tuệ sai biệt, khiến cho tâm tế làm tánh. Luận này lại ghi: “Tư tuệ hợp thành mà luận”. Hiền Dương ghi: “Tầm hoặc do tư đối với pháp tạo tác, có lúc do tuệ ở nơi pháp suy cầu,

căn cứ theo tướng tăng mà nói, tự tạo tác thù thắng, tuệ suy lường thù thắng. Luận Du-già quyển 5 cho rằng, không phải sở duyên suy lường thâm sâu, tự làm thể tánh, căn cứ theo tâm mà nói, nếu sở duyên suy lường sâu xa thâm sâu làm thể tánh, căn cứ theo tứ mà nói đều theo tăng thêm. Thật tâm tứ cả hai đều nương theo tứ tuệ. Nếu như vậy vì sao Tạp Tập Luận quyển 1, tâm tứ đều nói suy lường, không suy lường?

Đáp: Căn cứ theo ý của luận này, giải thích luận kia rằng: Tâm nói suy lường, suy lường cạn cợt, không suy lường là không thâm sâu, tứ nói suy lường là thâm sâu, không suy lường là cạn cợt.

Hỏi: Nếu như vậy khi tứ suy lường cạn cùng với tâm khác gì? Lại vì sao luận này nói không thâm sâu và suy lường thâm sâu khác nhau?

Đáp: Tứ nói không suy lường, trông mong tâm còn thâm sâu, chỉ mong tự tứ tuệ tăng thêm suy lường sâu, tự tăng không phải suy lường sâu nên cũng không có lỗi. Nên Tạp Tập Luận tâm tứ đều nói: Nương theo tứ nương theo tuệ, đối với địa vị suy lường không phải suy lường, như thứ lớp không được riêng, vì suy lường cạn phối hợp với tâm, suy lường sâu phối hợp với tứ.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao luận Tạp Tập lại ghi: “Tâm tứ hai thứ tướng loại của hành tướng”, cho nên thô tế kiến lập sai biệt?

Đáp: Cũng không trái nhau, tâm tứ đồng thời, đối với ý nói suy lường tướng loại của hành tướng, chẳng phải ở tướng loại cạn sâu thô tế, luận kia theo thô tế của tha dụng mà kiến lập, luận này căn cứ theo tự hành tướng. Luận này cũng nói, tâm khiến cho tâm thô chuyển, tứ khiến cho tâm tế chuyển, đều căn cứ theo một nghĩa, tận lý nên nói, tâm tứ đối với cảnh suy lường cạn sâu, khiến cho tâm ở nơi cảnh thô tế mà chuyển, như sai biệt dưới đây.

**Luận:** Tâm tứ cùng thức câu bất câu môn.

**Sớ ghi:** Tự tánh có hai:

1. Tâm tứ không làm thể, tức là Tạp Tập luận quyển 2 đã nói tự tánh phân biệt, tức là bảy thứ phân biệt, tướng của Trung hữu phân biệt.

2. Chẳng phải tâm tứ làm thể tức là luận này thứ năm và Nhiếp luận quyển 1 thừa nhận năm thức có tự tánh phân biệt, nhưng không thừa nhận có tùy niệm, kế độ phân biệt.

Hỏi: Luận không nói năm thức, Trung hữu, tự tánh phân biệt, chỉ phá ý thức khác nên không phải hai loại tùy niệm, kế độ chẳng?

Đáp: Luận tuy không nói năm thức có, nhưng phá không thừa nhận có tùy niệm, kế độ, ý tức là thừa nhận có tự tánh phân biệt, nếu

không như vậy vì sao hai luận đều phá hai thức phân biệt. Nhiếp không vận hồi tự tánh, lại có hai nghĩa: một là nương theo biến nghĩa, tức là luận Du-già nói có phân biệt chẳng phải tầm tứ. Và Duy Thức Luận, Nhiếp luận thừa nhận năm thức có tự tánh phân biệt. Hai là bất biến nghĩa, tức là luận Du-già nói nghĩa là các tâm, tứ nhất định là phân biệt. Đối Pháp căn cứ theo ba loại phân biệt này nói rằng: Chỉ một ý thức do ba phân biệt nên có phân biệt. Lại luận Du-già quyển 5 ghi: “Hoặc có phân biệt chẳng phải tầm tứ”, nghĩa là mong thế gian trí, được tất cả ba cõi tâm, tâm sở khác, đều là phân biệt mà chẳng phải tầm tứ, tức gọi là phân biệt, lại chẳng phải tầm tứ, nếu chẳng phải tự tánh gọi là phân biệt, đâu do loại khác ư? Không phải định chấp hai luận, tự tánh tức là tầm tứ, thừa nhận năm thức kia có, chỉ là tùy chuyển, tuy phá Tiểu thừa, không phải luận nói.

Hỏi: Tức là căn cứ theo tự tánh, tám thức đều có mặc tình phân biệt Thức thứ bảy thứ tám vì sao không có?

Đáp: Căn cứ theo Tam thừa không nói Thức thứ bảy, thứ tám.

Hỏi: Bảy phân biệt nghĩa nó như thế nào?

Đáp: Lược ba môn rõ ràng:

1. Liệt kê tên
2. Nêu ra thể
3. Các môn

Liệt kê tên, luận Du-già quyển 1 ghi: “Nghĩa là Hữu tướng phân biệt, Vô tướng phân biệt, Nhậm vận phân biệt, Tìm cầu phân biệt, Tự sát phân biệt, Nhiễm ô phân biệt, Bất nhiễm ô phân biệt”. Luận Tập Tập quyển 2 cũng có bảy phân biệt, tên đồng với luận Du-già, nhưng Nhậm vận phân biệt được liệt kê thứ nhất, còn lại nương theo thứ lớp.

Nêu ra thể, luận Du-già quyển 7 đều lấy tầm tứ làm thể, nên luận Du-già quyển 5 ghi: “Tầm tứ sai biệt, có bảy thứ sai biệt tức là bảy phân biệt”. Lại nói: “Các tầm tứ đều sai biệt, có phân biệt chẳng phải tầm tứ”, nghĩa là mong trí xuất thế, còn lại tất cả ba cõi, tâm, tâm sở. Nếu Đối Pháp có bảy thứ trừ nhậm vận, còn lại cũng tầm tứ làm thể, nên Đối Pháp quyển 2 lấy ba nhiếp bảy trừ nhậm vận, đều do ba loại nhiếp. Ba loại chỉ có Thức thứ sáu, tức là luận Du-già quyển 1 ý không cùng nghiệp tầm tứ làm thể; nhậm vận một loại. Luận này tổng hợp: Tức là năm Thức. Đối Pháp lại ghi: “Nghĩa là năm thức thân, tức là năm thức làm thể của nhậm vận, ba phân biệt thể, tùy niệm, kế độ cũng tầm tứ làm thể”. Tự tánh một loại, có hai thuyết, chuẩn theo Tập Tập Luận chỉ ở ý thức, tức là tầm tứ làm thể, chuẩn theo Nhiếp luận chỉ thức thừa

nhận năm thức có, nếu tùy chuyển môn cũng lấy tâm tứ làm thể, nếu nghĩa của chân thật, tức là năm thức làm tánh. Trên là từ tướng chung nêu ra, nếu riêng nêu ra thể, rộng như Từ Ân, Đối Pháp, Sơ giải thích rõ.

Các môn phân biệt: Một là căn cứ theo ba, bảy tướng nhiếp; hai là căn cứ theo thức, địa hữu vô; ba là lậu Vô lậu; bốn là nương theo hỏi đáp phân biệt.

Tướng nhiếp có hai: Một lấy ba nhiếp bảy; hai lấy bảy nhiếp bảy. Lấy ba nhiếp bảy có hai: một Nhiếp luận Tạp Tập bảy, hai Nhiếp luận Du-già bảy. Nhiếp luận Tạp Tập bảy là trước hiển bày ba hành tướng phân biệt, sau mới nói rõ nhiếp.

Luận Tạp Tập ghi: “Tự tánh phân biệt”, nghĩa là ở hiện tại đã thọ tự các hành, tự tướng, hành phân biệt. Tùy niệm phân biệt nghĩa là ở quá khứ đã thọ các hành, nhớ lại hành phân biệt, kế độ phân biệt nghĩa là ở quá khứ, vô lượng nay không phải hiện tại, kiến, sự, tư cấu hành phân biệt, ban đầu nương theo tự tướng của cảnh hiện tại mà duyên, kế duyên theo quá khứ, sau thông với ba đời, ở nơi cảnh sở duyên, tướng khác phân biệt. Kế nói rõ nhiếp, nương theo bất biến hành tướng, ba phân biệt trong luận Tạp Tập không nhiếp Nhậm vận. Luận kia giải thích nhậm vận nghĩa là năm thức thân, nói rõ ba phân biệt, chỉ ý thức, luận kia nói rằng ở trong sáu thức có bao nhiêu phân biệt?

Đáp: Chỉ một ý do ba phân biệt nên có phân biệt, là đây không nhiếp một loại đầu trong bảy loại. Hữu tướng một loại tức là tự tánh, tùy niệm hai phân biệt nhiếp, vì tự tướng duyên theo hiện tại, tùy niệm duyên theo quá khứ, hữu tướng một loại đồng nương theo quá khứ, hiện tại, nên hai loại này nhiếp. Luận kia nói: Hữu tướng phân biệt nghĩa là tự tánh, tùy niệm chấp lấy các thứ tướng cảnh của hiện tại. Ý này do hữu tướng các thứ tướng cảnh của hiện tại. Hai thứ nhiếp kia, vô tướng phân biệt chỉ duyên theo vị lai kế độ phân biệt đồng duyên theo ba đời. Văn tuy không nói cùng ba tướng nhiếp thật kế độ nhiếp, vì duyên theo vị lai chẳng phải hai nhiếp ban đầu, tiểu phần của kế độ nên kế độ nhiếp, bốn thứ sau đều là kế độ nhiếp. Luận kia giải thích rằng: Còn lại phân biệt đều là dụng kế độ phân biệt cho là tự tánh, vì sao? Vì tư độ, có lúc tìm cầu, có lúc tư sát, có lúc nhiễm ô, hoặc bất nhiễm ô, trong ba thứ căn cứ theo chung hợp làm một, trong bảy thứ căn cứ theo riêng nên là làm bốn, lấy đây làm chuẩn mà biết. Bốn thứ sau đều đồng duyên theo ba đời chỉ là tâm tứ. Luận kia ghi: “Vì tư độ nên ba thứ không định trước, rộng hẹp mà nói, bảy thứ rộng ba thứ hẹp”. Căn cứ theo biến



hành tướng, Duy thức v.v... ghi: “Nhậm vận tức là thuộc về tự tánh, Hữu lậu, tâm, tâm sở nhân xoay vần lấy cảnh Vô lậu khác, gọi là phân biệt”. Tâm, tâm sở này vốn tự tánh, nên gọi là tự tánh, tự tánh tức là phân biệt. Lại nói tự tánh cũng thông với cảnh mà nói.

Luận Tạp Tập ghi: “Như tướng của sở duyên, không phải phân biệt khác. Ở nơi tự cảnh giới mặc tình chuyển, tức là phân biệt của tự tướng, gọi là tự tướng phân biệt”, nên biết nhậm vận cũng là tự tánh nhiệm, kế ba thứ nhiếp bảy thứ của luận Du-già kia, nương theo bất biến tương ứng, chỉ là ý thức. Bất cộng nghiệp, tức là hoàn toàn tướng nhiếp vì ba, bảy thứ đều dùng hai pháp tâm tứ làm thể, tức là tâm tứ đều phân biệt cú, hữu tướng tức là tùy niệm nhiếp. Luận Du-già giải thích hữu tướng rằng: “Ở trước đã nhận nghĩa, các căn thuần thực, khéo đặt tên”, ở trước tức là duyên theo cảnh quá khứ, nên tùy niệm nhiếp, vô tánh tức là tự tánh và tùy niệm nhiếp, duyên theo quá khứ, hiện tại, nên luận kia ghi: Vô tướng phân biệt nghĩa là tùy theo sở dẫn trước và anh nhi v.v... không khéo đặt tên là sở hữu phân biệt; nhậm vận phân biệt cũng tự tánh nhiếp, vì duyên theo hiện tại. Nên luận kia ghi: “Tùy theo thế lực của cảnh mặc tình mà chuyển sở hữu phân biệt, nên tự tánh nhiếp”. Bốn thứ còn lại đồng với trước kế độ nhiếp, đồng duyên theo cảnh. Nương theo tướng của biến hành, ít phần của tự tướng nhiếp nhậm vận, tức là luận Du-già quyển 5 đã nói, hoặc có phân biệt chẳng phải câu của tâm tứ. Kế do bảy thứ nhiếp bảy thứ vì luận Tạp Tập bảy thứ nhiếp bảy thứ của luận Du-già, nhậm vận của luận Tạp Tập không nhiếp luận Du-già, chẳng phải tâm, tứ; ít phần của tự tướng, nhiếp hữu tướng của luận Du-già, nó duyên theo quá khứ, hiện tại. Hữu tướng của luận Du-già chỉ duyên theo quá khứ, luận nói rằng nghĩa là trước đã nhận nghĩa, tức là nói trước thọ, nên chỉ quá khứ, hoặc thông với hiện tại, quá khứ. Luận ghi: “Ở trước đã nhận nghĩa, các căn thành thực khéo đặt tên” là đã khởi phân biệt, loại của trước thọ cũng nói: Thành thực khéo tên lời là sở khởi phân biệt, loại của thọ trước gọi là thọ trước tức là hoàn toàn nhiếp. Vô tướng nhiếp ít phần của tướng kia, luận Du-già đồng duyên với đời, luận Tạp Tập chỉ có vị lai, hoặc vô tướng của luận Du-già cũng là hữu tướng của luận Tạp Tập được nhiếp. Luận kia giải thích rằng: Tùy theo trước sở dẫn, và anh nhi v.v... không phải tên của thiện là được hữu phân biệt, nhưng căn cứ theo thiện bất thiện chia ra hữu vô tướng, duyên theo cảnh không khác, hữu tướng nhiếp trước giải thích là thù thắng, nhậm vận căn cứ đồng nhiếp với ít phần kia, vì nương theo tâm, tứ và tự tánh phân biệt.

Căn cứ theo bất biến mà nói, nhậm vận phân biệt của luận Tập Tập không nhiếp nhậm vận của luận Du-già, vì thể tánh khác nhau, còn lại đều như tên tự loại nhiếp nhau, nói không khác nhau. Căn cứ theo thức, địa phân biệt, ban đầu theo thức, sau theo địa, theo thức rõ ràng, vả lại ba thứ phân biệt căn cứ theo tướng của biến hành, tự tánh phân biệt thông với tám thức hữu. Kế độ phân biệt thông với sáu thức, bảy thức, tâm, tứ là thể, Thức thứ bảy không có, hằng phẩm tư lương hư vọng kế độ Thức thứ bảy có, nếu không như vậy chấp ngã là phân biệt gì? Thể chẳng phải tâm, tứ mà nương theo tư tuệ, lập ra phân biệt này, hành tướng của bất biến chỉ ở Thức thứ sáu, như luận Tập Tập nói chỉ Thức thứ sáu, lại không thông với loại khác. Bảy thức trong luận Tập Tập, nhậm vận phân biệt tức là thông với Thức thức năm, thứ tám, còn lại chỉ Thức thứ sáu. Trên căn cứ theo phi biến, biến hành tướng là chẳng phải các phân biệt đều là tâm, tứ làm thể, luận Du-già quyển 5 ghi: “Có phân biệt chẳng phải tâm tứ, hữu tướng cũng duyên theo hiện tại, lại nhiếp theo tự tánh có thể thông với sáu thức, nhậm vận tức là duyên theo cảnh hiện tại, đồng với tự tánh, có thông với bảy thức, chỉ trừ Thức thứ bảy, vì thường hằng kế độ”. Năm thứ ở nơi Thức thứ sáu trừ một thứ vô tướng, bốn thứ còn lại thông với Thức thứ bảy vì kế độ nhiếp. Căn cứ theo giải thích của luận Du-già, hành, cảnh không trái với Thức thứ bảy, bảy thức trong luận Du-già, hành tướng của bất biến chỉ Thức thứ sáu, nói là bất cộng nghiệp của Thức thứ sáu. Nếu biến hành tướng, hữu tướng, vô tướng là cảnh chợt hiện dẫn đến Đăng lưu, gọi là thọ sinh trước, tùy theo sở dẫn trước tức là hữu tướng, vô tướng, nhậm vận nhiễm ô và bất nhiễm ô thông với sáu thức trước. Nếu là cảnh của quá khứ gọi là sở thọ trước, tùy theo sở dẫn trước tức là trừ hai thứ đầu không thông với năm thức, ba thứ thông với năm thức, nhiễm ô đồng duyên theo cảnh của ba đời. Đối với cảnh hiện tại chấp trước, đều hành khởi phân biệt, hoặc tùy theo cùng một bản tùy phiền não, tương ưng đã khởi pháp chấp, tức là thông với trong năm thức có chấp trước đều hành đã khởi phân biệt, nên thông với năm hữu, cùng với tín v.v... đều gọi là bất nhiễm ô, nên cũng thông với năm thức. Nương theo địa phân biệt, chuẩn theo cuộc hành tướng tâm, tứ làm thể thì trói buộc cõi Dục và quả Sơ thiên, nếu căn cứ theo y khởi được thông với năm địa, trên được khởi pháp tâm, tứ dưới, chín thứ nhuận sinh tâm dung chứa đều khởi. Nếu thông với hành tướng chuẩn theo sở y thức, tùy theo địa hữu vô, lậu Vô lậu phân biệt là chuẩn theo luận Du-già quyển 5, các phân biệt đều Hữu lậu.

**Luận:** Nghĩa là mong trí xuất thế, còn lại tất cả ba cõi tâm, tâm sở đều là phân biệt.

Lại giải thích, hoặc thông với Vô lậu. Nói mong trí xuất thế là căn cứ theo Vô phân biệt trí gọi là xuất thế hậu trí tức gọi là thế xuất thế gian trí, vì duyên theo thế tục nên cũng gọi là thế gian, tức là như kinh luận nói khởi tâm thế gian là phải tức gọi là phân biệt. Chánh tư duy ở nơi nhân dùng tâm tứ làm thế, luận Biện Trung Biên gọi là phân biệt chi, Đại luận lại ghi: “Các tâm, tứ đều phân biệt, nên thông với Vô lậu”.

Nương theo hỏi đáp phân biệt, hỏi: Chuẩn theo luận Du-già quyển 1, tâm tứ là ý nhiếp bất cộng nghiệp bảy thứ phân biệt tâm tứ làm thế, vì sao được thông với thức khác địa khác?

Đáp: Căn cứ theo luận Du-già quyển 5 ghi: “Nếu tâm tứ đều phân biệt có phân biệt chẳng phải tâm tứ”, chuẩn theo hai câu này, chỉ nói tâm tứ nhất định là bảy phân biệt, không nói bảy phân biệt đều nhất định là tâm tứ, nếu không như vậy làm câu trả lời như thế này, do có phân biệt chẳng phải đều tâm tứ. Nhiếp luận, Duy thức thừa nhận một thứ tự tánh thông với sáu thức hữu. Luận Tạp Tập thừa nhận năm phân biệt tức là năm thức thân, nếu không như vậy thì trái nhau.

Hỏi: Giả sử nếu phân biệt đều là tâm tứ, lỗi gì không thừa nhận?

Đáp: Một là trái với thuyết của luận, có phân biệt chẳng phải tâm tứ, lại có ba lỗi: một là địa không biến đổi, hai là thức không biến đổi, ba là hành không biến đổi, không biến đổi chín địa. Hai là ở trong địa không biến đổi thức, ba là ở trong thức không biến đổi hành, không phải tâm tứ thì chẳng phải phân biệt.

Hỏi: Ba, bảy phân biệt cùng với trong năm pháp phân biệt khác gì?

Đáp: Căn cứ theo tướng biệt hành, trong năm pháp phân biệt rộng, thông với các Hữu lậu, ba, bảy phân biệt chỉ Thức thứ sáu đồng thời hai pháp tâm, tứ và năm thức nhãn v.v... nếu thông với hành tướng, ba, bảy, năm pháp rộng hẹp tương tự nhau, hoặc, ba, bảy hẹp, thông với Vô lậu. Lại năm pháp phân biệt nghĩa chung, ba bảy phân biệt nghĩa riêng.

**Luận nói:** Tợ như ưu nên nói chung là ưu.

Hỏi: Luận quyển 5 ghi: “Có phân biệt nên ưu, không phân biệt nên khổ”, làm sao được nói tợ như ưu?

Đáp: Phân biệt trước chẳng phải phân biệt, vả lại căn cứ theo sáu thức thì năm vô sáu hữu, cùng hiển bày nên nói ở trong ý thức phân biệt ý thức, được cùng với khổ ưu đồng thời, đều phân biệt nên cùng theo

tên ưu.

**Luận:** Vì danh thân v.v... nghĩa là cảnh, lấy luôn cú, văn, nghĩa thông với hai loại: một là cảnh nghĩa; hai là đạo lý nghĩa, tức là nhận lấy tên gọi v.v... và nghĩa của sở thuyên, đều là cảnh của ý, chẳng phải nắm thức duyên, căn cứ theo chưa tự tại nhưng vẫn tức là tự, chẳng phải chánh năng thuyên, làm hai sở y, nương theo mà nói, có nghĩa của năng thuyên, các luận chỉ nói danh thuyên tự tánh, cú thuyên sai biệt, không nói riêng tự là năng thuyên.

**Luận:** Trong bốn Vô ký, hối chỉ có trong hai.

Hỏi: Dị thực, thông quả, đều dung chứa được khởi oai nghi, công xảo, hối tức là dung chứa đồng thời trong hai tánh, nên thông với bốn thứ?

Đáp: Tuy cõi Sắc khởi thần thông, tâm đến chỗ Phật, khởi thân oai nghi và ngữ công xảo, lại bậc Thánh khởi thần thông quả tâm, nói năng co duỗi không làm lợi lạc, đều là Vô ký, đây đều là cõi trên và Dị thực tâm khởi, chẳng phải riêng lẻ bốn Vô ký, nên đều không đồng thời. Nay căn cứ theo riêng lẻ khởi oai nghi công xảo, dung chứa cùng với hối đồng thời.

Hỏi: Hối chẳng phải nhiệm Vô ký đồng thời, như Sở tri chương mong Bồ-tát, người tức là nhiệm ô, đâu chẳng phải kia đồng thời.

Đáp: Căn cứ theo Phiền não chương chẳng phải nhiệm Vô ký, nương theo Sở tri chương thông với nhiệm Vô ký, nên không trái nhau, nhất định luận tâm tứ mười một đồng thời, tăng thêm khinh an.

**Sớ ghi:** Nói người nói: Tam Tạng nói Tây phương có hai thuyết:

1. Vị chí định có tâm tứ, chẳng phải Căn bản địa, nếu không như vậy tâm tứ chỉ chẳng phải Vị chí, luận có thật văn, sơ thiền. Ý này không phải là không thừa nhận tâm tứ thông với cận phần địa, nhưng nói lập ra thiền chi, không nương theo cận phần, phá vọng kia truyền Tam Tạng. Nói rằng Tây phương có hai giải thích:

2. Tâm, tứ lúc Vị chí định chẳng phải Căn bản địa, các đức không phải thấy đều vọng bài xích, nên tâm đây nói rõ được gốc là chân.

Hỏi: Vì sao được biết, Tĩnh lực chi lập ra chỉ nương theo Căn bản?

Đáp: Luận Hiển Dương quyển 2 ghi: “Lìa pháp dục, ái bất thiện, hữu tầm hữu tứ ly sinh hỷ lạc sơ thiền cụ túc trụ”. Giải thích rằng: Cụ túc nghĩa là tu tập viên mãn, trụ nghĩa là ở nhập trụ xuất, tùy theo ý tự tại, nếu các chi này ở cận phần lập ra, vì sao gọi là viên mãn xuất nhập tự tại, nếu phần hữu cũng được lập chi, Vô sắc nên lập, vì sao quyển 9 của luận Đối Pháp không nương theo Vô sắc, nên chỉ là căn bản.

**Luận:** Lại nói kia là nói nhân, giải thích như Số.

Tây Minh giải thích rằng: Chính dẫn thỉnh văn thứ nhất trong mười địa trong ba thỉnh. Trường hàng giải thích rằng: Chỉ khen ngợi tịnh giác, tịnh giác là nói nhân, giác gọi là giác quán, tức là khẩu ngôn hành.

Tam Tạng giải thích rằng: Nên nói tâm tứ, nói giác quán là nhà giải thích sai lầm. Nay sư Hộ Pháp dẫn làm thật chứng, e rằng truyền bá sai lầm, vì sao? Luận chủ của Số nói đích thân theo ngài Tam Tạng nói: xét bản tiếng Phạm nói Tăng-ma-đăng-ba, chỉ là tư duy, không có chữ “chánh”, huống gì là tâm nói giác là giác quán, đây nói giác là quán, nhà giải thích tăng thêm. Nay Tây Minh nói: Tam Tạng giải thích rằng, nên nói tâm tứ, nói giác quán là nhà giải thích sai lầm, kinh chỉ nói tịnh giác, giác tức là tâm, vì sao được nói sẽ nói rằng tâm tứ, nên biết truyền sai lầm?

Hỏi: Giả sử chỉ là quán, quán tức là tâm, tâm là nhân của ngữ, Luận sư sau vì sao không phải dẫn làm chứng?

Đáp: Thể hánh tư duy có hai loại: Một thông với bộ nhân quả của Nhị thừa, và nhân hậu đắc vị của Đại thừa, thể liền chỉ là tâm; hai là chỉ có Đại thừa, và nhân quả Hậu đắc, thể tức là tư và tuệ. Luận Du-già quyển 29 ghi: “Nếu tâm hướng đến nhập vào các chỗ tâm tứ, chỉ tâm tứ kia như vậy tướng trạng đã có tâm tứ. Cho đến nói khởi lên thiện tư duy, phát khởi các thứ như pháp ngôn luận, là gọi chánh ngữ”. Chánh ngữ là quả tư duy ngữ nhân. Luận Hiển Dương quyển 2 ghi: “Tìm cầu cực tìm cầu hiện tiền tìm cầu giác liễu, tính toán quán sát, tư duy tánh của tư duy”. Lại luận Du-già 29 ghi: “Nếu được kia rồi dùng tuệ để an lập, như chứng mà giác ngộ, lập chung hai loại này, gọi là chánh kiến”, chuẩn theo biết đây đồng thời chánh tư duy chi, đều là thể ban đầu. Luận Đối Pháp quyển 10 nói tuệ uẩn nhiếp chánh kiến, chánh tư duy, chánh cầu. Quyển 98 ghi: “Nếu ra khỏi thế gian lấy chánh trí làm tự tánh, trừ các giới chi, an lập chẳng an lập Chân như làm sở duyên”.

Luận Du-già 29 ghi: “Do tám chi nhiếp hành tích chánh đạo, có thể không đoạn được tất cả phiền não khác, có thể ở nơi giải thoát, cứu cánh làm chứng quả, nên gọi là tám chi Thánh đạo”, nên biết trong đây, nếu giác chi thời được chân giác, địa vị căn bản này nếu được kia rồi, lấy tuệ để an lập như chứng mà giác ngộ. Hậu đắc vị này nói: Như chứng mà giác ngộ, những thứ này đều là thể của tám chi sau, không nói tâm. Sư sau nương theo Đại thừa thông với nhân quả bản sau, chánh tư duy chi chẳng phải là tâm, nên sở dĩ không dẫn.

Hỏi: Thân, ngữ, tâm hành có biến phi biến, định thứ tư địa tuy

không phải ra vào nghỉ ngơi, có tư biến hành, thân nghiệp được chuyển, ở nơi địa vị Phật quả, tức là không phải tâm, tứ, biến hành của ngữ, ngữ nên không chuyển?

Đáp: Như Sở và Xu Yếu nói.

Hỏi: Tức là nói ngữ nghiệp làm ngữ biến hành, định thứ hai địa trên pháp có ngữ, đồng với thân hành.

Đáp: Theo Phật có thể như vậy, ngữ không phải giả tâm, trừ Phật đã ngoài ngữ, ắt tâm dẫn trở lên không có.

Hỏi: Nói pháp hợp cơ, ngữ mượn tâm tứ, nói rộng như vậy vì sao mượn tâm tứ, giống như năm thức phần nhiều do kia khởi, cũng có năm thức chẳng phải tâm, tứ sinh ra, như Vô sắc định khởi tai nghe âm thanh v.v...?

Đáp: Hai định trở lên khởi ngữ thì khó, giống như năm thức ắt sẽ mượn tâm tứ.

Hỏi: Thân ở cõi Dục và sơ thiên, khởi ngữ thì dễ, nên đồng với năm thức.

Đáp: Ngữ đều suy luận khởi ắt sẽ tâm tứ, năm thức không như vậy nên không ví dụ. Lại nếu giải thích, cõi Dục nói rộng, hai định trở lên hoặc có ngữ ngôn, chẳng phải tâm tứ phát ra chỉ dùng tư sinh, các luận chỉ nói tâm tứ khởi, tùy theo tướng thô mà nói, như tư duy chi.

Hỏi: Chánh tư duy lấy tâm làm thể, Phật thân thiếu lỗi, các Tĩnh lự chi tức là nói tâm tứ, Phật không có lỗi, đều là công đức.

Đáp: Đạo chi chỉ Vô lậu, Phật không thể thành lỗi, thiên chi lậu vô tướng, đầu cho thiếu cũng có lỗi, nếu không như vậy tức là công đức khiến cho đầy đủ. Chư Phật sẽ thành tựu Hữu lậu thiên chi là công đức. Lại như Sở giải thích, nương theo tư tuệ, nếu như vậy không phải thô tế, vì sao thành tựu đối trị chi?

Đáp: Cũng nương theo tư tuệ chia làm thô tế và đối trị chi, như chánh tư duy cũng không có lỗi.

Nói tâm, tâm sở, câu bất câu v.v... các môn phân biệt, rộng như Bách Pháp ngài Huyền Tán đã nói.

**Luận:** Làm lìa tâm thể có riêng tự tánh v.v... vốn giải thích như Sở, Yếu Tập ghi: “Diệu âm không lập so sánh văn không được, Lăng-già, Trung luận, Bách luận v.v... ngài Hộ Pháp tạo luận, không thiếu địa này, các Luận sư đã vận hỏi, luận Trí Độ v.v... rộng nói rõ tâm sở lại người nào, hoặc có thể Hộ Pháp giả nêu ra khách và chủ?

Nay cho rằng: Bản ý nói các sư Lăng-già, Trung luận, Bách luận chẳng nói địa này, bản ý nói các sư Lăng-già, Trung luận, Bách luận

chẳng nói địa này, chỉ nói Tây quốc, như luận Lý Môn ghi: “Phá sư Cổ Nhân Minh, sư Cổ Nhân Minh không thiện, chẳng phải Vô Trước v.v...”. Luận sư Lăng-già v.v... đạo lý cũng như vậy, tuy luận Trí Độ rộng nói rõ tâm sở, ngại gì có nói tức là phần vị của tâm, như luận Trí Độ rộng nói rõ các pháp; ngại ngại gì Thanh Biện nói Thắng nghĩa không tục vọng là có, không ngại ngại Hộ Pháp, nương theo chấp của kia v.v..., giả lập khách chủ, khởi đầu mỗi hỏi đây.

Tâm viễn độc hành, Nhiếp luận tức là nói không phải thứ hai nên gọi là xúc hành, tợ nương theo nghĩa của một ý thức để giải thích, chuẩn theo dẫn vấn hỏi này, không chỉ nương theo Kinh bộ.

**Luận:** Sĩ phu sáu cõi, giải thích như Sở dẫn.

Hỏi: Bốn đại và tâm thể tánh có thể biết, không thể là gì?

Đáp: Căn cứ theo luận Tạp Tập quyển 2 phế lập hai mươi lăm loại sắc, nghĩa là tác sở y, tác tướng, tức là lập ra nguyên do của huýnh sắc và biểu sắc, biểu tức là co duỗi, chính là động tác, nên luận Du-già quyển 1 ghi: “Biểu sắc nghĩa là nghiệp dụng là tác, động chuyển sai biệt, tác sở y này tức là huýnh sắc kia”. Huýnh sắc là luận Tạp Tập nói: Nghĩa là lia ngại xúc khác, phương sở có thể được”.

Hỏi: Vì sao chẳng phải không khác nói là huýnh sắc; tức là nói rằng huýnh sắc lại vì sao gọi là không?

Đáp: Sĩ phu giới chẳng phải hư không, hư không lia ngại xúc, phương sở lại gọi là không.

Hỏi: Nếu nhận lấy huýnh sắc, huýnh sắc tức là lia bốn đại hữu, vì sao bộ khác nói chỉ bốn đại thông lập ra sở tạo?

Đáp: Vì kia không rõ, tông chấp khác, không thể chê trách, Kinh bộ có sư không lập ra tâm sở. Đại thừa nói khác cũng lại đồng với luận kia, cùng dẫn kinh này, không phải chỉ Kinh bộ, luận Du-già chỉ nói: “Có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn”, muốn khiến cho trong tên gọi chỉ tâm thật có chẳng phải các tâm sở, hoặc cũng giả nêu ra, chẳng phải nhất định luận kia vấn hỏi.

**Luận:** Nương tựa thế tục này hoặc nương theo thắng nghĩa v.v... vốn giải thích như Sở.

**Yếu Tập ghi:** “Định này không nương theo tục thứ nhất, Chân như ba, chân tục thứ tư, thức tâm, tâm sở nói rõ sai biệt”. Văn sau các chân tục đối nhau mong thứ tư, chân tục v.v... dần dần lần lượt môn, vì lia trọng ngôn. Nay cho rằng không đúng, vả lại dùng tâm cùng tâm sở, căn cứ theo hai Đế để biện, cũng lệ thuộc vào thức, dưới trong tám thức tâm sở đồng với tâm vương, tụ tập tướng khác nhiếp kiến tướng

thấy đều quay về thức, vì tông của Duy thức, nên đoạn dưới nói: “Tám thức tự tánh, không thể nói định một, hành tướng, sở duyên, tương ứng khác nhau, tức là căn cứ theo duyên, y tương ứng rõ ràng khác”, nên biết không khác cũng nói hành tướng, y, duyên, tương ứng, nếu không như vậy nên chẳng như huyền sự v.v... vì có tánh của định, trước riêng sau chung, tướng mong đối rõ ràng, đều bốn chân tục cũng không có lỗi của trọng ngôn.

**Luận:** Trung hữu kia ắt sẽ khởi v.v...

**Xu Yếu ghi:** “So sánh có thân Trung hữu không phải thân Trung hữu”.

Đáp: Bản kế không có, mặt kế có. Lại từng nghe giải thích, theo bản kế mà nói rằng không phải Trung hữu, nay căn cứ theo mặt kế nên có Trung hữu. Lại nói: Bản kế có hai: một, lý là lượng; hai, giáo là lượng. Do đó chia ra hai tranh luận, lý là lượng tức là lập ra Trung hữu, nay luận theo đây nên nói: Hữu nếu dẫn kinh là lượng tức là lập ra Trung hữu, nhưng Yếu Tập ghi: “So sánh luận Tông Luân, Thượng tọa bộ lại gọi là Văn Sơn, lập ra tám nghĩa riêng, còn lại đồng với Nhất thiết hữu bộ”, tức là nói lập ra Trung hữu, Đại chúng bộ v.v... bốn bộ đều không phải Trung hữu. Nay cho rằng bất định, Nhất thiết hữu bộ bản tông đồng với văn Trung luận, không nói định có Trung hữu. Nói mặt tông nghĩa khác, loại vô biên, Văn Sơn đồng với luận kia đâu có Trung hữu, mà nói: Đại chúng bộ v.v... văn của luận không nói định không phải Trung hữu mà nói Bồ-tát lúc vào thai làm ra hình bạch tượng. Chuẩn theo đây tức là tợ như lập ra Trung hữu, nên Yếu Tập ghi không phải chuẩn theo định.

**Luận:** Trời kia chỉ ở Tĩnh lực thứ tư, rộng như Sớ. Lại nói cõi Vô sắc chẳng phải cảnh của thiên nhãn, nếu lúc vô tâm tức là không phải sắc thân, ai là người có thể chứng được Niết-bàn. Lại nữa, địa pháp không phải Vô tướng định, nên Di thực này không phải ở chỗ khác.

**Luận:** Tức là năng dẫn phát Vô tướng định tư.

**Yếu Tập ghi:** “Có thuyết nói, có giải thích đều có ba giải thích, thuyết thứ ba kia là thuyết thứ nhất này, thứ nhất kia là thứ ba này”, kia đây nghĩa thứ hai tức là không đồng, nay nhận lấy có giải thích thứ ba làm chính, tức là có nói thứ nhất, tức là có giải thích thứ ba, vì sao chỉ nhận lấy có giải thích thứ ba mà làm giải thích chính? Có thuyết nói sơ văn không đoạn thứ ba làm lời chính, nhưng vì lý chuẩn theo trái, cực yếm tâm chiêu lấy tổng báo kia, chủng tử của cực yếm tâm chiêu lấy biệt báo kia, vì sao trái nhau? Lại chủng tử của tâm nhỏ nhiệm là năng



dẫn, phát ra Vô tướng định tư, hay cảm lấy quả kia, thuận theo quyển 56, nếu không như vậy một nhân vì sao có thể cảm lấy hữu tâm vô tâm ràng buộc, hai quả trái nhau? Lại Tây Minh nói: Tâm nhỏ nhiệm và tâm vi tế tương ứng tư dẫn dắt tổng báo, vì hữu tâm, tức là hai loại kia, đến địa vị vô tâm dẫn dắt biệt báo, vì vô tâm, nay cho rằng không đúng, đâu phải ở nơi chủng tử của vi tâm cũng lập ra vô tâm định ư?

**Luận:** Khiến cho thân an hòa nên cũng gọi là định.

Tây Minh nói: Tuy chẳng phải tâm sở chuyên chú một cảnh, khiến cho thân an hòa nên cũng gọi là định. Yếu Tập ghi: “Có giải thích ban đầu giải thích là thù thắng”, nay cho rằng không đúng. Vô tâm thù miên cũng chẳng phải tâm sở chuyên chú một cảnh, vì sao không phải an hòa? Cũng gọi là định, nên biết do định lực của gia hạnh trước, khiến cho thân an hòa, vì vô tâm thì an hòa, cũng hữu tâm kia thì an hòa, đồng được tên của định nên vốn giải thích chính.

**Luận:** Lại chỉ là thiện v.v...

Vốn nói luận kia đã dẫn, giải thích chỉ là thiện, Địa dưới Địa trên là không có, nói rõ thuộc về địa nhân. Tây Minh nói: Luận kia đã dẫn thông với hai nghĩa, nay cho rằng không đúng, thiện của gia hạnh định dẫn dắt nên thiện, không cho thiện định dẫn dắt là thuộc về định thứ tư. Ở văn tự giải thích, Địa dưới Địa trên vô do nói trước, chỉ đồng vô tướng báo đã nói ở trước.

**Luận:** Bốn nghiệp thông ba trừ thuận hiện thọ, lược luận nghĩa đó tổng có hai giải thích: một là định cảm quả; hai là không phải định cảm quả, nên luận Du-già quyển 9 ghi: “Thuận định thọ nghiệp nghĩa là nên suy nghĩ rồi hoặc làm hoặc tăng trưởng nghiệp, thuận bất định thọ nghiệp nghĩa là nên siêng năng rồi làm mà không phải tăng trưởng nghiệp”. Ý này tức là do thẩm xét quyết định tư làm phương tiện, gọi là cố tư duy, nên quyển 90 ghi: “Cố tư duy tạo nghiệp nghĩa là tư lương trước, đã tùy tầm tứ, đã tùy tư sát, đã khởi thân, ngữ gọi là tác nghiệp, khiến cho chủng tử tăng trưởng gọi là tăng trưởng nghiệp”. Luận Tập Tập quyển 7 ghi: “Tác nghĩa là khởi tạo các nghiệp, khiến cho hiện hành”. Tăng trưởng nghĩa là khiến cho tập khí tăng ích, trừ đây ra rồi, nếu có cố tư duy không khởi thân, ngữ v.v... và tuy khởi thân ngữ v.v... mà không khiến cho chủng tử tăng thượng, không khiến cho chủng tử tăng trưởng nghiệp, tức là có mười loại. Du-già quyển 9 ghi: “Tăng trưởng nghiệp tức là trừ mười loại:

1. Việc làm trong một mộng
2. Việc làm không biết

3. Việc làm không phải cố suy nghĩ
4. Không lợi không thường làm
5. Việc làm cuồng loạn
6. Việc làm mất niệm
7. Việc làm chẳng phải lạc dục
8. Tự tánh Vô ký
9. Hối đã tổn hại
10. Đối trị đã tổn hại

Trừ được mười loại này gọi là tăng trưởng nghiệp. Không tăng trưởng nghiệp nghĩa là mười loại này, nhưng tăng trưởng là Dị thực định và thời báo, không tăng trưởng đều bất định nhiếp. Luận Tạp Tập quyển 6 căn cứ theo định thọ nghiệp nói có ba loại, tức là hiện, sinh, hậu. Ở nơi từ định v.v... tạo ra nghiệp thiện ác, là thuộc về hiện thọ, năm vô gián v.v... gọi là sinh thọ nghiệp, nếu sinh tạo này qua sinh mới thọ gọi là hậu thọ. Giả sử có một nghiệp hoặc hiện hoặc sinh thọ báo không hết cùng nhiều sinh thọ từ hiện sinh, không gọi là hậu thọ, nên quyển 8 ghi: “Ở trong nghiệp này, từ địa vị Dị thực ban đầu kiến lập tên của thuận hiện pháp thọ v.v... không chỉ thọ một vị Dị thực này”. Luận Tạp Tập quyển 7 trong định và bất định chia làm ba, luận kia ghi: “Như kinh nói quyết định nghiệp”, nghĩa là tạo tác nghiệp quyết định thọ Dị thực, quyết định phần vị định, tạo tác nghiệp thông với định bất định. Định thọ là bất định, lý như giải thích sau. Phần vị là định, vì thời, báo đều là định. Luận Du-già quyển 6 căn cứ theo định bất định, tổng nói bốn nghiệp. Luận kia nói lại có bốn nghiệp, một là Dị thực định, hai là thời bất định, ba là cả hai đều định, bốn là cả hai đều bất định. Thứ ba là định, ba thứ còn lại bất định. Thứ nhất căn cứ theo báo thọ, tuy là định, nhưng thời bất định. Thứ hai thời định mà báo bất định, nên đều là bất định. Luận Tạp Tập quyển 7 căn cứ theo định bất định nói có năm nghiệp, luận kia ghi: “Cho nên suy nghĩ tạo tác nghiệp lược có năm loại”, nghĩa là họ đã chỉ bảo, họ đã khuyên mời, không phải đã có biết, căn bản chấp trước, điên đảo phân biệt, năm câu như thứ tự. Ba câu đầu không tăng trưởng, xem nhẹ nên không nhất định thọ Dị thực, tức thời định báo bất định và đều bất định. Hai câu sau tăng trưởng, nặng nên nhất định thọ Dị thực, tức là báo định thời bất định, và thời báo đều quyết định, nên văn dưới nói thọ Dị thực quyết định như trước đã nói, cho nên siêng năng tạo nghiệp. Nếu định này thọ thời báo đều định, tức là phần vị quyết định, vì sao được nói riêng? Nên định của phần vị dưới nói: Như do nghiệp này, ở trong pháp hiện tại ấy nhất định thọ Dị thực.

Sinh, hậu chuẩn theo đây. Lại Vô tướng định này chính là điên đảo phân biệt. Vọng chấp Niết-bàn tức là thông với bốn nghiệp, biết rõ hai loại sau chẳng phải chỉ thời, báo đều quyết định.

Luận Hiền Dương quyển 9 căn cứ theo định bất định chia làm năm, luận kia ghi: “Như vậy nghiệp có năm loại quyết định: một là hiện thọ quyết định, hai là sinh thọ quyết định, ba là hậu sai biệt quyết định, bốn là thọ báo quyết định, năm là tác nghiệp quyết định”. Ba loại thời định hoặc thời, báo đều định; thứ tư báo định thời bất định, thứ năm thông với báo định và thời, báo định, vì ở loại thứ năm quyết định thọ báo, đều quyết định tác nghiệp cùng với trước có khác. Luận Tập Tập quyển 7 ghi: “Tác nghiệp quyết định là do sức của nghiệp đời trước cảm được quyết định Dị thực tương tục, tương tục tức là thân”. Ở trong đời này, quyết định tạo tác nghiệp này tức là nói cảm được quyết định Dị thực, không nói thời định nên biết là thông, nếu không như vậy đối với báo định kia chẳng phải thời, Dị thực trong thân đâu không phải tạo tác nghiệp ác? Lại thọ báo định mà thời bất định và báo định kia, chẳng phải chỉ biệt báo, tức là thông với tổng báo, đâu phải khiến cho hiện pháp thọ? Tuy có tổng báo, nếu đối với hiện pháp thọ dung chứa thọ biệt báo sẽ tổng báo kia, đây đồng các khai hợp có khác, không ngoài bốn nghiệp mà luận này nói.

**Sớ ghi:** “Luận Hiền Dương ở trong bất định, báo, thời, định, bất định riêng nêu ra”. Yếu Tập ghi: “Luận Hiền Dương đều nói quyết định không nói bất định, do hai loại sau này, không gọi là bất định, nghiệp, báo tương đối vì nói rõ quyết định”. Căn cứ theo thật bốn loại trước tức là thời và báo đều định trong luận Du-già quyển 60. Nay cho rằng không đúng, bốn loại trước thọ báo quyết định, chỉ là quả chẳng phải nghiệp, tức là không được nói nghiệp có năm loại, nếu nói rằng cũng nghiệp, báo quyết định là câu cú, tức là ba loại trước, vì sao cần nói riêng? Lại báo định thọ thời bất định là thuộc về câu nào? Tên sẽ không thấu tóm, trái với tướng nhiếp, không thấy lý này, nên nương theo gốc giải thích, lý giáo không trái nhau.

Hỏi: Căn cứ theo tu vô tướng, tức là điên đảo phân biệt trong năm nghiệp của luận Tập Tập quyển 7, luận kia nói định thọ, đây nói thông với ba loại đều là bất định thọ, đâu không phải trái nhau?

Đáp: Căn cứ theo tạo tác bất thiện nói làm chánh pháp v.v... nên là định thọ, đây theo tu thiện, nên thông với bất định.

Hỏi: Tu định này tức là thừa nhận sinh, sắc cũng được khởi sau, sinh ra tư của định sở tu kia có thể thọ báo, nếu thừa nhận thọ báo tức là

chỉ sinh thọ, không thể sinh hai nghiệp sau đồng chiêu lấy, nếu chỉ xưa tu có thể cảm được quả sau, cái khởi sau, vì sao không cảm được?

Đáp: Sinh khởi kia chẳng phải mạnh mẽ lợi lạc, yếu kém nên không thọ, nếu không như vậy tu lại cũng có thể cảm riêng nên sinh lại nó, vì xưa trong cõi người hậu báo thọ.

Hỏi: Nếu xưa trong cõi người được rồi thoái mất, nhưng không thoái ba Tịch lự định dưới, mạng chung sinh về cõi kia được khởi lại chăng?

Đáp: Tức là hai sự nói đều không đồng nhau. Nếu sự đầu giải thích thoái và bất thoái, sinh về ba cõi trời sau không được khởi lại sinh về vô tưởng là ban đầu tu thoái sau sinh khởi lại, cũng gọi là hậu báo. Như sự thứ hai, cõi Dục tuy là thoái sinh về Tịch lự sau cũng được khởi lại. Quyển 56 ghi: “Trước ở đây khởi sau ở cõi Sắc thiên định thứ tư sẽ thọ quả kia”, như văn của Số giải thích. Nếu nói ở cõi Dục giả sử không phải thoái mất cũng có sinh về trong ba Tịch lự sau mà được khởi lại, ba Tịch lự sau không như vậy, dị sinh nhuận sinh phải hồi hương, nên không thoái mất vô tưởng, ba Tịch lự sau lìa nhiễm, nên vì sao được sinh? Nếu thừa nhận được sinh tức là không phải sáu hành chế phục được hoặc sinh lên trên.

Hỏi: Xưa định đã mất sinh ra trên tu lại, vì sao đã mất định sau trở lại có thể cảm được quả?

Đáp: Do định lực sau giúp nó có thể đồng với địa pháp.

Nói diệt tận định v.v... Số giải thích, Tây Minh đều như Số nói rõ. Yếu Tập ghi: “Có thuyết nói: Trong đây chỉ căn cứ theo Nhị thừa học Vô học mà nói, nếu chư Bồ-tát văn dưới mới nói”. Có giải thích rằng: Đây thông với hàng Tam thừa hữu học Vô học, nói người đều được diệt định, phải đoạn hoặc ba cõi là nói rõ đầu khởi, sau khởi, trước nói hàng Nhị thừa, sau nói rõ Bồ-tát, nếu không như vậy người đắc được diệt định, không nói Như Lai, lý có không tận. Nay cho rằng đoạn này hoàn toàn không tương ứng, vốn giải thích ý giải thích lựa ra người không đắc, trừ chỗ lựa ra này hiển bày đều là được, vì sao nhiếp không hết? Vọng làm kế chấp, các văn như vậy, đoạn sau nêu sơ lược, không thể mỗi mỗi nêu đủ các lỗi, người tìm đọc nên tư duy kỹ.

Nhưng Tây Minh giải thích, trong có thể được người, Bồ-tát hai loại, tiệm ngộ như Thanh văn, trong bốn vạn, hai vạn, mười ngàn kiếp cũng nhập vào diệt định, từ tín vị cho đến Đẳng giác có năm mươi một bậc Hiền thánh, nay cho rằng không đúng. Các kinh chỉ nói có bốn mươi hai bậc Hiền thánh, trừ Đẳng giác và Diệu giác còn có bốn mươi. Nếu

bốn vạn, hai vạn, mười ngàn hợp lại là một, trở lại bốn mươi mốt, nếu mở thêm làm ba, tức là bốn mươi ba, vì sao có năm mươi mốt? Nhân Vương Bát-nhã tuy nói mười tín, trong bài tụng chỉ nói thai của bậc Thánh ba mươi, không nói bốn mươi, nên nay chính giải thích. Hàng Nhị thừa như luận kia, Bồ-tát có hai, đốn ngộ Bồ-tát hoặc mười, hoặc bốn. Sơ địa, Địa thứ bảy hai thuyết khác nhau, tiệm ngộ Bồ-tát hoặc bảy mươi bốn, trong bốn vạn có bảy mươi hai; hai vạn, bảy ngàn đều làm một người, thành ra bốn mươi bảy. Trong bốn vạn kiếp chia ra bốn mươi lăm, hai vạn mười ngàn hoặc bốn mươi bảy, vì trong luận này có hai thuyết, lấy đây trải qua bốn mươi bậc Hiền thánh kia hoặc bảy mươi bốn và bốn mươi bậc Hiền thánh, hoặc bốn mươi bảy và bốn mươi bậc Hiền thánh, trong tiệm ngộ hàng phục được phẩm Ly hoặc, căn vị khác nhau, tùy theo thô như vậy, tế càng có khác, như hai quả đầu, hồi tâm rồi cũng dung chứa được khởi, dưới chỉ ngăn phàm phu chưa đoạn được Kiến hoặc.

Lại nói phải đoạn dục tu hoặc v.v... căn cứ theo Nhị thừa mà nói không chướng ngại hồi tâm, tuy không đoạn dục, phiền não vốn có, nhưng hàng phục hoặc đắc được Tĩnh lự thứ tư, nương theo biên tế định, thọ thân biến dị, đã có khả năng này, ngại gì không đắc được chín thứ lớp định. Lại không đắc được chín thứ lớp định, đều không thể chứng được biên tế định, nên luận Tạp Tập quyển 9 ghi: “Thiền định, Vô sắc, biên tế” là muốn dẫn công đức của phẩm phát khởi, được tự tại v.v... tu kham nhậm định đạt đến cứu cánh. Luận sau ghi: “Hoặc có bảy địa mãn tâm đồng khởi”, căn cứ theo quyết định nói, như biến dị sinh không như vậy, vì sao có Sơ địa? Do luận này chỉ nói hoặc Thánh hữu học, chỉ lựa ra phàm phu quyết định không được, hữu học có được, không phải chỉ thân chứng, hồi tâm là được, trừ ra không nói là căn cứ theo chẳng phải hồi tâm, nếu lập thuyết này lẽ ra phù hợp với diệu lý.

**Luận:** Định này mới khởi chỉ ở trong cõi người.

Vốn giải thích Dục thiên cũng được mới khởi, vì có thân chứng. Có giải thích chỉ cõi người chẳng phải ở Dục thiên, luận này nói duy chỉ. Tạp luận quyển 5 ghi: “Phải ở trong loài người mới có thể dẫn phát”. Luận Tạp Tập quyển 9 giải thích: “Nói dẫn phát là nghĩa mới khởi”, nay nói rõ thêm Dục thiên thừa nhận có thân chứng nào có lỗi gì, nếu không thừa nhận có thân chứng, tức là chỉ tuệ giải thoát, đây đồng trở về nhập vào Sơ địa, sau có thể chẳng phải mới khởi. Chuẩn theo cõi Sắc này, bậc Thánh hồi tâm chẳng phải đều là thân chứng và câu giải thoát. Do đó, luận Tạp Tập quyển 9 lại ghi: “Các Thánh đệ tử vì muốn an trụ

Tịch tĩnh trụ nên ở trong cõi người dẫn diệt định này khiến hiện tiền”, đã nói như vậy thì rõ ràng các loại kia đều là mới khởi. Ở đây nói “duy chỉ” là căn cứ theo tự Thừa, từ phần nhiều mà nói, hoặc tùy theo tướng thô, không chướng ngại hồi tâm đối với loại kia đều mới khởi, như tự Kiến đạo. Luận Hiển Dương nói chỉ là trời người cõi Dục, tuy nói duy chỉ nhưng cũng thừa nhận bậc Thánh nhị Thừa cõi Sắc sau khi hồi tâm nhập vào Kiến đạo Đại thừa. Diệt định chỉ có cõi người, mới khởi cũng chuẩn theo đó.

**Luận:** Trước nói tuy thuộc Hữu đẳng, vượt Đẳng chí.

Sở có hai giải thích, nay lại giải thích thêm. Vả lại theo sư trước nương theo tâm gia hạnh, cũng được nói vượt. Căn cứ theo định thứ lớp còn lại phi tướng phi, phi tướng, định sau làm gia hạnh vào nay tùy theo tâm nào, hoặc dùng cõi Dục tâm hoặc sơ thiền tâm, làm gia hạnh vào, chẳng phải cần định sau khác, nên được gọi là vượt. Thuộc Hữu đẳng là căn cứ theo mới khởi mà nói, theo sư thứ hai, tùy theo địa nào tâm sinh tức là có thể vào, đây không cần gia hạnh, như tự Như Lai mặc tình có thể vào chẳng khởi gia hạnh.

Hỏi: Nếu tâm trước khởi hàng phục rồi vào diệt kia vốn không khởi, vì sao được nói tâm nhỏ nhiệm, hậu yểm tâm, công năng không khởi vị lập?

Đáp: Luận kia nương theo mới tu làm ra lời như vậy, chẳng phải tự tánh.

Hỏi: Nếu như vậy tâm kia đối với lúc định khác xưa nay không khởi, nên thường gọi là nhập diệt chẳng?

Đáp: Có định tâm khác chẳng gọi là nhập định, định tâm khác không phải định này mới hiển bày, trong hai thuyết, thuyết sau trội hơn.

**Luận:** Kinh Ô-đà-di là thật chứng này, Vô sắc cũng gọi là Ý thành thiên.

Yếu Tập xác quyết vốn giải thích rằng: Ý của Xá-lợi tử ở sau Sắc khởi, chưa nói Vô sắc xuất hiện. Ý thành thiên nghĩa là Phi tướng. Không rõ được ý của Xá-lợi tử cho nên bị quở trách, nương theo nghĩa của văn nào chứng được cõi Vô sắc cũng nhập vào diệt định? Nói đây thật chứng nên chẳng phải khéo giải thích. Nay cho rằng Yếu Tập không rõ được Sở giải thích cho rằng chẳng phải khéo giải thích, tức là Ô-đà-di đời sau. Nói Ý thành thiên vượt qua đoạn thực, Xá-lợi tử nói có thoái lui định. Sắc giới sau khởi, xuất hiện không rõ, nghĩa là Phi tướng, nên biết hai cõi trên đều gọi là Ý thành. Luận Câu-xá dẫn kinh lại nói: Tùy theo

thọ một xứ Ý thành thiên thân, có thể ra vào định này, nên thông với Vô sắc, kinh không ngăn ngại luận kia, nói tùy theo một xứ. Lại luận Du-già quyển 56 nói lại hiện ở trước, gá vào sở y của sắc mới được hiện tiền, nếu đã kiến lập ở nơi tất cả xứ, đều được hiện ở trước. Nói tất cả xứ không lựa ra ba loại dưới, sự sau của luận này cần phải đoạn ba loại dưới mới khởi đây, chưa nhất định là chính, nên chỉ quở trách Sa-di không rõ được ý, vì sao chẳng phải khéo giải thích làm thật chứng ư?

Tây Minh nói: Nhưng tông của Đại thừa chia thành hai thuyết. Nan-đà đồng nói, cõi trên Địa thứ tám khởi diệt tận định nên gọi là Ý thành thiên. Giác Sư Tử giải thích, từ Tĩnh lực thứ tư trở lên Địa thứ năm mới khởi diệt định gọi là Ý thành thiên, Hộ Pháp đồng với giải thích thứ hai, chuẩn theo đâu được biết Nan-đà cũng nói? Giác Sư Tử nói chỉ năm địa trên gọi là Ý thành thiên. Nếu chuẩn theo luận Tạp Tập quyển 9, Giác Sư Tử giải thích, trong bốn câu, thừa nhận Tĩnh lực thứ tư lại khởi, không nói ba Địa dưới chẳng phải Ý thành thiên, đâu phải khéo giải thích ư? Nếu so sánh Hộ Pháp đồng với thuyết thứ hai, vì sao giải thích văn của quyển 56 kia ở tất cả xứ đều được hiện khởi? Nếu nói rằng ít phần tất cả, luận Tạp Tập không nói duy chỉ.

**Luận:** Đối với tàng thức giáo v.v...

Sớ nói kiến lập là nghĩa tín có, chẳng phải nghĩa thành lập, trong định tánh có ngu pháp là không tin không vào, không ngu pháp là tuy tin theo Đại thừa, không phải đem lại cứu cánh, do tin có nên sinh nhập vào định. Yếu Tập ghi: “Đã tin Đại thừa” vì sao chẳng phải cứu cánh?

Đây không hiểu ý, vốn giải thích ý rằng: Tuy tin Đại thừa không đem lại cứu cánh, chỉ có Nhất thừa tin có ba Thừa, như cầu Thanh văn tin có Độc giác, không đem lại cứu cánh chỉ một Độc giác không phải Thanh văn thừa. Lại chỉ tin tánh Đại, nhưng tự không có sức để chứng được Đại. Luận Pháp Hoa là tin các Thừa khác, chỉ nói một thừa. Tây Minh nói: Kinh không phải là nói không cầu Nhất thiết trí, nay là nói khiến cho nhập vào diệt định. Nay hỏi họ vì sao khiến cho nhập trong đại giáo? Vì nói luận A-tỳ-đạt-ma, Giải Thâm Mật v.v... đều không phải vì họ mà nói, đến kinh Niết-bàn chỉ nói là Đại. Kinh A-hàm v.v... đã mật thuyết, nên biết kiến lập là tin có nghĩa. Thế nên luận này nói, người chưa tin thọ ở tàng thức giáo, Vô sắc không khởi đã tin; sinh cõi kia cũng được hiện tiền, không nói thành lập tàng thức sau đó tin mới khởi.

**Luận:** Bất hoàn nhuận sinh chỉ chủng tử chẳng hiện.

Yếu Tập ghi: “Quyển 55 ghi: Chỉ tùy miên nhuận, Kiến đế tích”.

Quyển 52 ghi: “Kiến thánh tích là đối với hậu hữu ái đặc phi Trạch diệt”, hai văn cùng nêu bày, nên biết hai thánh đầu cũng chỉ chung tử nhuận. luận Đối Pháp quyển 5, luận Du-già quyển 1 nói ly dục hoặc ít hoặc gấp bội hoặc hoàn toàn ly dục đều gọi là ly dục. Nay cho rằng không đúng. Nói Kiến đế tích, bốn quả đều đúng, nói ly dục chẳng phải chẳng phải ít phần là được tên ly dục. Giáo lý của Đại thừa Tiểu thừa nói ly dục chẳng phải hai loại đầu. Đối Pháp quyển 5 ghi: “Tự thể này ái chỉ là Câu sinh”, cho đến nói do thế lực này các Dị sinh khiến cho trong vô gián có tương tục, bậc Thánh chưa ly dục cũng như vậy. Lúc sắp mạng chung, cho đến chưa đến không rõ được tướng vị, trong đó có thể khởi ái này hiện hành. Luận Du-già tuy nói “chế phục mà không chấp trước”, không nói rằng không khởi. Luận Đối Pháp nói “nhưng có thể nhiếp phục”, chẳng không phải sinh khởi. Nay nói không khởi, đâu không phải trái ngược? Nên nương theo bản giải và Tây Minh giải thích.

Lại hỏi: Luận Tạp Tập quyển 5 ghi: “Trung hữu mai một, tâm thường nhiễm ô, giống như tử hữu”, chuẩn theo văn đồng nói quả Bất hoàn chẳng?

Đáp: Đây cũng bất định, nói như tử hữu, đâu phải quả Bất hoàn, hữu tử tâm thường nhiễm ô ư? Nên chỉ đồng nói lẽ ra có thể lựa chọn.

Hỏi: Lúc nhập vào diệt định có hai gia hạnh: một là duyên theo diệt thọ tướng, hai là duyên theo vô tướng giới, đối với lúc xuất định duyên theo cảnh nào, xúc chạm vào xúc nào?

Đáp: Luận Du-già quyển 12 ghi: “Lúc ra khỏi diệt định, xúc chạm vào ba thứ xúc: một là bất động xúc; hai là vô sở hữu xúc; ba là vô tướng xúc”, nghĩa là lúc xuất định, phần nhiều do ba cảnh mà ra khỏi định: một là do hữu cảnh; hai là do cảnh cảnh; ba là do diệt cảnh. Do ba cảnh này, lúc ở xuất định như thứ lớp đó. Xúc chạm ba thứ xúc như Xu Yếu nói, lại nói nương theo sơ học, duyên theo diệt thọ tướng mà nhập, duyên theo hai cảnh đầu mà xuất, đồng là Hữu vi. Nương theo học lâu, duyên theo vô tướng mà nhập, duyên theo cảnh thứ ba mà xuất, đồng là Vô vi.

Nếu tự tại, trước tùy theo cảnh nào mà nhập, sau tùy theo cảnh nào xuất? Lại chưa được tự tại, xuất ắt sẽ định tâm, ở phương tiện trước, nương theo không đẳng trí mà nhập, nay nương theo không đẳng trí mà xuất, duyên theo hữu cảnh, xúc chạm vào bất động xúc, nương theo quán năm uẩn vô ngã trong thân cho là Không nhập, khiến cho không phải ngã kiến chấp bên trong làm ngã gọi là bất động, không làm ngã



kiến nó đã chuyển động, nương theo vô nguyện đẳng trì, nhập duyên theo cảnh cảnh, xuất xúc chạm vô sở hữu xúc, là cảnh của năm căn cảnh, gọi là cảnh cảnh. Ở trong sáu trần cảnh, không có tham, sân, si nên gọi là vô sở hữu xúc; nương theo vô tướng đẳng trì, nhập duyên diệt cảnh, xuất xúc chạm vô tướng xúc, do diệt tánh này gọi là diệt cảnh, không phải mười tướng đó gọi là vô tướng. Duyên sự là thứ nhất và thứ hai, duyên lý là một loại sau, nhưng ba Đẳng trì thông với định và tán. Chưa được tự tại chỉ nương theo định mà xuất, nếu được tự tại đồng nương theo định tán, hoặc nương tựa không mà nhập, nương theo vô tướng mà xuất. Đây nói xúc là chẳng phải xúc trần, xúc nghĩa là xúc đối, tức là xúc tâm sở năng khiến cho căn cảnh thuận sinh ra tâm sở, vì lúc xúc chạm vào cảnh không khởi ngã kiến, không khởi tham v.v..., không làm ra tướng trạng, như thứ lớp tức là ba xúc được tên.

**Luận:** Hoặc đây đều là xúc xứ ít phần.

Hỏi: Trong cõi Vô sắc tức là nói: Vô sắc, tử, sinh vì sao là thuộc về muộn tuyệt?

Đáp: Tức là nương theo giải thích trước, phần vị của bốn uẩn giả lập muộn tuyệt, cũng không có lỗi, đây đều cộng thành.

